

# *làng văn*

SỐ 3 - THÁNG 2 NĂM 2015



**Tân Niên 2015**

# *làng văn*

*Chủ nhiệm, chủ bút:*  
Cung Vũ Nguyễn Hữu Nghĩa

## *Bài vở:*

Bút Chì – Cười – Cao Xuân Lý -- Dương Thượng Ngã  
Đỗ Quang Vinh -- Hoàng Hải Thủy – Lê Hoài Niệm – Lê Thị Việt Nam  
Lê Hữu Mục -- Linh Vang -- Lý Thảo Yên -- Miên Kim  
Mình Đức Hoài Trinh -- Mỗ Làng Văn -- Ngọc Anh -- Nguyễn Hương  
Nguyễn Bá Dĩnh -- Nguyễn Lương Tuyền -- Nguyễn Mạnh An Dân  
Nguyễn Phù Sa -- Nguyễn Văn Thông -- Phạm Khắc Trung  
Phùng Nhân -- Phương Duy – Thủy Trang  
Trần Ngân Tiêu -- Trần Quốc Bảo – Triều Vân  
Trường Sơn Lê Xuân Nhị -- Việt Chi -- Việt Phương

## *Tri ân cộng tác viên quá cố:*

An Khê – Bạch Thái Hà -- Bình Nguyên Lộc – Duyên Anh -- Đan Quế  
Huỳnh Hữu Cửu – Hứa Hoàn – Lãng Nhân Phùng Tất Đắc  
Lê Đình Điều -- Lê Thao Chuyên – Mai Thảo – Ngọc Khôi  
Ngô Mạnh Thu -- Nguyễn Đình Hoà – Nguyễn Huy Phước  
Nguyễn Tất Nhiên – Nguyễn Văn Ba – Quỳ Hương  
Sắc Không Nguyễn Hữu Nhật -- Tạ Ty -- Thanh Nam – Thúy Sơn  
Tô Giang -- Trần Cao Lĩnh – Trọng Kim (Đã Cầm) Trương Trọng Trác  
Trương Ái Minh -- Từ Vi Lang – Tự Tĩnh Nguyễn Nhật Tân  
Vi An -- Vũ Kiện – Xuân Vũ

Địa chỉ email: [BanBienTap.LVOnline@gmail.com](mailto:BanBienTap.LVOnline@gmail.com)

Website: [www.langvanonline.com](http://www.langvanonline.com)

(Nếu trích đăng, xin ghi xuất xứ: Làng Văn Online)

## - TRONG SỐ NÀY -

### BÀI XUÂN:

*Câu đối vui đầu Xuân*

*Mùa Xuân: gia đình quạ*, đoản văn Nguyễn Văn Thông

*Mai cảm*, thơ Cung Vũ

*Xem mai nở*, thơ Tuệ Quang TTT

*Tết về trên xứ lạnh*, thơ Vannhoc

*Xuân cảm*, thơ Dư Mỹ

*Ngày Xuân nhớ lại*, hồi ức Nguyễn Mạnh An Dân

*Bài hành cuối năm*, thơ Cao Ngọc Cường

*Nụ hôn đêm giao thừa*, truyện ngắn Linh Vang

*Nỗi niềm*, thơ Lý Thảo Yên

*Những chuyến đi*, hồi ức Linh Phương

*Thư Xuân gửi bạn*, Tân niên khai bút, thơ Trần Ngân Tiêu

### CÁC BÀI KHÁC:

Câu chuyện của thầy lang: *Điều trị bệnh tiểu đường, anh sáng đã le lói cuối đường hầm?* BS Nguyễn Lương Tuyên

*Cắt máu ăn thề*, thơ Khê Kinh Kha

Diễn đàn: *Tâm thư của một người Canadien gốc Việt*, Trần Mộng Lâm M-16, thơ Trần Quốc Bảo

*Xuyến*, truyện ngắn Miên Kim

*Tôi muốn tựa bờ vai*, thơ Trần Văn Lệ

*Last Day in Vietnam*, thảo luận Hoàng Cơ Định

*Việt sử hùng ca*, biên khảo Phạm Khắc Trung

Cười tí tót (1), Cả Cười

### TIẾNG VỌNG TỪ ĐÁY VỰC:

*Chúng ta chọn đứng bên nào của sự thật?* Nguyệt Quỳnh

## ***Câu đối vui đầu Xuân***

Vé ra:

***Xuân Ất Mùi xuống xóm lừa dê kiếm ngọc dương về hầm thuốc bắc***

Đặc điểm của vé này là tên con dê được nhắc tới ba lần: Mùi (trong thập nhị địa chi), Dê (nôm) và Dương (hán việt).

Các vé đối:

- Trần Quốc Bảo:

***Tết Canh Tý ra vườn kiếm thử tìm dưa chuột để nấu cơm tây***

(xin có đôi lời phụ chú, rằng thì là: Dương ám chỉ quý ông, tôi đối lại Chuột ám chỉ Quý bà, vì khi ta nói “đi mèo chuột” con mèo đi bắt chuột xơi tái, vậy chuột chẳng là phái nữ sao! Mong rằng giải nghĩa vậy xuôi tai quý Cụ)

- Lê Lam Ngọc:

***Đông Nhân Ngọ lên rừng đuổi ngựa lưng kim mã tới trị bịnh nam***

- Nguyễn Bá Dĩnh:

***Tết Đinh Tỵ lên rừng bắt cọp tìm hổ cốt để chế toa nam***

- Đỗ Quý Bài:

***Hạ Giáp Dần lên non bắt cọp cắt dải hổ đem nấu cơm tây***

# Mùa Xuân: gia đình quạ

Nguyễn Văn Thông

Như vậy là đã 31 năm tôi chưa ăn Tết ở quê nhà. Càng chờ-đợi một cái tết tự-do no-ấm trên quê-hương, lòng mình càng héo-hắt. Tuổi đời ở quê nhà tuy không dài nhưng tôi có cảm-tưởng những mộng-ước, ưu-tư và thành-quả nho-nhỏ đã đầy cho một giai-đoạn. Vậy mà thêm 31 năm qua đi, tôi tưởng như không có gì ngoài những nhớ-nhung chờ-đợi.

Mới đây khi gọi về thăm nhạc-phụ bị mổ ruột và mẹ già bại-liệt, tôi bàn với các em về ngày Tết, phần vì bồn-phần, phần để thấy trước được hương-vị ngày Tết. Nhưng trong câu chuyện, em tôi nói: *"Tết coi vậy chứ buồn lắm anh ạ. Ổn-ào chợ-búa, sắm-sửa cho nhà cửa mấy ngày trước Tết, mồng một ăn bữa cơm gia-đình, các cháu đi Tết họ-hàng, mồng hai Tết đã nhạt, sang mồng ba ai nấy lại tất-tả đi làm, chả còn Tết nhất gì nữa đâu!"*

Tôi nghe băng-khuâng và buồn trong lòng. Cái nhận-xét của em tôi thiết-thực lắm. Xứ đạo nơi mẹ tôi đang ở là xóm lao-động, không giàu nhưng phần lớn không đến nỗi thiếu ăn. Bà con quây-quần như một đại gia-đình từ nhiều chục năm nay. Dân xứ bao-bọc chia-sẻ lẫn nhau. Em tôi nói về bữa cơm tình-thương mỗi buổi chiều cho người già-cả đơn-chiếc và người quá nghèo không đủ ăn. Cười hỏi, tang-ma... mọi người đều chung vui, sẽ buồn. Vậy mà niềm vui của ngày Tết lại chỉ thoáng qua thế sao?

Những ngày Tết năm xưa, tôi có một ông anh thường trầm-ngâm và tuyên-bố như một triết-gia: *"Tết năm nay không vui bằng năm ngoái!"* Không biết nhà hiền-triết ấy có nhớ là năm nào ông cũng suy-tư cùng một triết-thuyết như vậy hay không. Tôi ngồi yên tính nhẩm. Nếu tính ngược lại quá-khứ theo mẫu hiện-tượng này thì Tết hồi xưa hồi xưa vui lắm, đẹp lắm. Còn nếu tính xuôi về tương-lai thì ngày Tết sẽ đi đến một cái mức rất buồn, buồn ghê-gớm. Nhưng cả hai trường-hợp đều có vẻ không đúng.

Ngày Tết trong tâm-tưởng của mình đẹp phải chăng vì được kết-hợp bởi các yếu-tố thiên thời, địa lợi và nhân hòa. Ngày Tết ngày xưa đẹp bởi vì những kỉ-niệm. Và kỉ-niệm không hiện lên riêng-rẽ mà chồng lên nhau như những tấm phim nhựa mà mỗi tấm ghi một cảnh đẹp, rồi tất cả bày ra như một tấm phong có chiều sâu ghi nhiều kỉ-niệm rục-rờ. Kỉ-niệm của tôi là bầu không-khí ấm-cúng quây-quần ở nhà ông bà nội tôi mấy ngày trước Tết gói bánh chưng, ban đêm co-ro canh lửa bếp trước

sân nhà. Tiếng cười nói rộn-rã thánh-thót của các cô, thím và các chị ở chỗ rửa bát đĩa và chỗ nhổ lông gà, vịt ở sân sau nhà quanh bờ giếng. Các bác và các chú tôi nấu-nướng nghi-ngút thơm phức ở gian nhà bếp. Ông bà nội tôi ngồi tằm trầu và soạn tiền mừng tuổi chờ con cháu đến. Dưới chân bàn thờ là một chậu mai, nụ xanh và hoa vàng chen-chúc. Con nít chúng tôi xúng-xính trong quần áo mới, chốc chốc lại móc tiền mừng tuổi ra đếm. Tiếng pháo đi-đet ngoài ngõ, và thỉnh-thoảng một tràng pháo dài ròn-rã thúc-giục chúng tôi chạy ra chụp những chiếc pháo rơi.

Còn thêm những lớp phim in kỉ-niệm của dàn hoa giấy đỏ rực-rỡ dập-dềnh cong vòng trên mấy đoạn đường đầu ngõ nhà thờ ở làng quê tôi. Kỉ-niệm của những đám cưới mùa xuân, tôi không nhớ các chú rể ăn-mặc ra sao nhưng nhớ các cô dâu làng quê của tôi mặc áo dài cưới đẹp dịu-dàng. Nhớ những con gái cùng tuổi, cùng lớp trường làng dễ thương trong quần áo ngày Tết, bỗng e-thẹn nhìn nhau mà không dám nói chuyện. Tôi nhớ cánh rừng cao-su cây xếp hàng thẳng tắp và sâu hun-hút. Nhớ cánh đồng lúa xanh có đàn cò trắng xoái cánh vào những buổi chiều. Tiết trời ngày Tết miền Nam thường không lạnh nhưng cũng se se buổi sớm mai, và trên bầu trời trong xanh có những cánh nhạn chao vun-vút như những con thoi. Chúng hình như đang giăng những sợi tơ trang-hoàng ngày Tết khắp bầu trời.

Thì ra hình như ngày Tết và mùa xuân đẹp ở trong tôi là tất cả những kỉ-niệm về ngày Tết và mùa xuân trong quá-khứ kết-hợp lại, những ngày Tết xum-họp bình-yên dưới mái ấm gia-đình. Rồi có những ngày Tết xa nhà ngồi nghiêm-gẫm tâm-trạng "Xuân Này Con Không Về", "Xuân Tha Hương", và bâng-khuâng theo cảm-xúc "Cô Láng Diêng", "Cô Hái Mơ"... Những tâm-trạng ấy đan vào lòng tôi niềm tha-thiết về ngày Tết.

Mùa Xuân nơi chúng tôi đang ở cũng có những phong-cảnh thay-đổi theo mùa nhưng tôi chỉ muốn nói đến hai loài chim tụ-tập nhiều vào mùa xuân là ó biển và quạ. Chim ó ở đây có bộ lông đốm xám, đen và nâu nhạt, cặp mắt như hai hạt pha-lê sáng quắc, chiếc mỏ quặp và móng nhọn. Nó không khác gì loại ó miền rừng núi. Có thể được gọi là ó biển vì vùng đất này sát biển và thức-ăn chủ-yếu của chúng là cá biển. Dù vậy, chúng cũng thích đồ ăn của người. Chỗ nào có người ăn uống là có chim ó bay lượn trên đầu. Chúng rất tinh và nhanh như chớp, từ trên cao nhào xuống cướp mồi trên tay người mà chỉ để lại tiếng gió vụt qua trong tích-tắc. Con gái chúng tôi cầm miếng bánh trên tay vừa đi vừa nói chuyện, bỗng giật mình nghiêng người. Miếng bánh vừa biến mất theo bóng con ó biển bay vút lên trời. Rất may tay nó không bị cào chảy máu. Không thấy ai tỏ ra thân-thiện với ó biển ở đây nhưng chúng mang sức sống của mùa xuân ấm-áp. Đôi cánh bay-lượn hùng-dũng của chúng mang niềm kiêu-hãnh trên bầu trời.

Hầm-hiu là loài chim quạ. Chúng cũng to bằng chim ó nhưng hình-dáng không có gì hấp-dẫn. Nó đen từ đầu đến chân, nhưng không đen bóng mượt-mà như chim sáo mà đen thui đen thui. Cái màu đen cũ và sần-sùi như lúc nào cũng bị gió thổi xù lên. Cái mỏ của nó dày và tù, như một miếng gỗ đẽo vụng được sơn đen rồi gắn vào. Dáng đi của nó nặng-nề nghiêng bên này vẹo bên kia như chân có tật. Thêm vào vóc-dáng buồn-bã ấy là cái giọng khàn khàn còn tệ hơn tiếng con ngan đục. Nó cũng thích đồ ăn của người nhưng thường moi trong các bịch rác, hoặc đậu trên cành cây cao rình-rập chờ vắng bóng người mới bay xuống tha đi. So với chim ó, tôi không ghét mà cũng chẳng thích nó hơn, chỉ có cảm-tưởng loài quạ dơ-bẩn hơn loài chim ó. Dù biết rằng mùa xuân là mùa sinh-sôi nảy-nở của muôn vật, tôi không biết chim quạ đóng-góp gì cho mùa xuân. Cho đến một hôm...

Hôm ấy là Chúa nhật, chúng tôi đi nhà thờ lễ sáng. Vừa đậu xe vào hàng kê dưới một cây to xum-xuê cành lá bên hông nhà thờ, tôi giật mình vì tiếng quạ quang-quác nổi lên. Ra khỏi xe nhìn về hướng tiếng kêu thì thấy hai con quạ đậu trên mép sân thượng toà cao-óc gần nhà thờ. Chúng nhìn về phía tôi và ngừng kêu nhưng cái đầu còn gật-gù. Tôi nghĩ hay có gì dưới gầm xe mình nên cúi xuống nhìn. Cùng lúc ấy hai con quạ nhào về phía chúng tôi kêu thất-thanh khiến tôi giật mình đứng dậy nhưng cũng vừa nhận ra một con quạ con đang quờ-quạng trên mặt đất cạnh chiếc xe của tôi. Hai con quạ đổi hướng bay và đậu trên hai góc toà nhà gần nhà thờ hơn, tiếp-tục kêu gào. Hễ tôi đứng yên nhìn chúng thì chúng ngừng kêu, hễ quay nhìn về con quạ con thì chúng lại kêu quang-quác. Tiếng kêu khàn đục nhưng vang cả vùng không-gian.

Thì ra đó là hai bố mẹ quạ đang canh-chùng đứa con. Ở trên cành cao có một đồng cành vụn và lá khô, chắc là tổ của chúng, và con quạ con không may bị rơi ra khỏi tổ. Nó đã lớn bằng hai vốc tay nhưng lông chưa che kín. Nó cố nhồi lên bờ cỏ về phía gốc cây. Không biết có cách nào mang nó xa hẳn chỗ đậu xe này để được an-toàn hơn không. Và không biết cha mẹ nó có cách nào tha nó lên tổ được hay không. Vợ con tôi cũng muốn giúp tôi lo cho quạ con nhưng cứ tới gần một chút là bố mẹ quạ lại kêu âm lên và nhào từ trên cao xuống vụt trên đầu chúng tôi. Suốt buổi lễ, thỉnh-thoảng tôi lại nhớ tới gia-đình quạ.

Hết lễ, người đi ra tấp-nập. Bố mẹ quạ vẫn canh-chùng trên mép nóc toà nhà nhìn xuống. Quạ con nằm im chỉ hơi nhúc-nhích giữa bờ cỏ và thanh bê-tông ngăn bánh xe. Chẳng biết nó học được cách tự-vệ bằng cách nằm im từ đâu. Chúng tôi ra về và nghĩ rằng lúc vắng người, bố mẹ quạ sẽ tìm cách mang quạ con về tổ hoặc mang môi cho con. Nghĩ bố mẹ quạ chỉ nhin đói đứng canh con từ sáng nên khi đi chợ, chúng tôi mang bánh mì đến bỏ gần gốc cây. Lúc đó chúng tôi lại không thấy quạ con đâu cả và bố mẹ quạ chia nhau đậu trên đầu hai toà nhà ù-rũ nhìn xuống.

Không có dấu-vết gì để lại trên sân cỏ. Tôi rất mong có ai mang quạ con về nuôi. Những ngày sau đó, đôi quạ vẫn đứng trên nóc toà nhà nhìn về phía ngọn cây cạnh nhà thờ. Thỉnh-thoảng nghe tiếng quạ kêu, tôi lại cảm thấy như tiếng bố mẹ quạ gọi nhớ con tha-thiết.

Từ đó tôi không còn cảm-nghĩ xấu về loài quạ. Tiếng quạ kêu khàn đục giữa mùa xuân mang đến cho tôi ý-nghĩ về một tình gia-đình đầm-thấm. Tết đến trên quê-hương mà có thiếu gì những gia-đình nghèo-đói xơ-xác và đau-thương như gia-đình nhà quạ, nhưng tình yêu-thương vẫn chan-chứa. Tết dù vui hay buồn vẫn linh-thiên đối với dân tôi. Hàng ngàn người trong đó có trẻ, có già, có cha, có mẹ, có anh, có chị phải bỏ làng quê nghèo ra thành-phố kiếm ăn. Nhiều người từ miền Bắc và miền Trung đi vào những thành-phố miền Nam là Sài Gòn, Thủ Đức, Bình Dương... làm công-nhân hoặc buôn thúng bán bưng, có khi chỉ là đi bán vé số hoặc ăn xin cả năm trời chờ-mong một ngày Tết mang về được cho các con manh áo mới, ít quà bánh và nhất là xum-họp gia-đình ăn Tết, cúng-kiêng tổ-tiên.

Phương tây, thiên-hạ có lễ Tạ-Ơn, mừng ngày sinh-nhật, ngày tình-yêu... Bên mình ngày Tết bao-gồm mọi ý-nghĩa thiêng-liêng cao-quí về Trời, Đất và Con Người. Ngày Tết như thế trở-thành bổn-phận của chúng ta, bổn-phận đóng-góp làm tròn và làm đẹp ngày Tết. Cho nên việc làm đẹp ngày Tết của mình cũng là cách làm đẹp ngày Tết của dân-tộc. Nếu thêm một tiếng pháo làm tăng thêm chút rộn-rã thì nụ cười, ánh mắt, lời chào-hỏi cũng sẽ làm tăng tình thân-ái ngày Tết. Dù một cánh én không làm nổi mùa xuân nhưng nó cũng làm nên sự thay-đổi. Một cành mai vàng, một đóa thủy-tiên, một tà áo tha-thướt, bài hát ngày xuân, lời chúc Tết, sự chu-đáo, lòng tế-nhị và cả những gì không ai ngờ tới như tiếng quạ khàn-đục thương con... tất cả đều cùng tạo một ngày Tết đẹp cho chính ta và cho quê-hương. Vươn cao hơn, ta thử thách-thức mình xem có thể đóng-góp gì để tạo một ngày Tết tự-do và no-ấm cho quê-hương.

*Nguyễn Văn Thông*



## *Mai cảm*



(Nhân xem ảnh cây mai tị nạn  
của Thùy Trang & Bá Đình)

*Nhìn cây mai nhỏ  
thiếu nắng xanh xao  
mà xót giùm nhau  
cuối đời, khách thổ.*

*Hoa vàng hé nụ  
sắc nhạt hồn buồn  
như hạt lệ rưng  
sương chiều tích tụ.*

*Lại thêm một tuổi  
chân đã tê chôn  
dặm thăm bôn chôn  
buồn vui mấy cõi!*

**Cung Vũ**

## ***Xem mai nở***

(tặng Thủy Trang & Bá Dĩnh)

*Thường trà ngắm hoa nở,  
Căn phòng vắng “công đồ”.  
Dạt dào bao nỗi nhớ,  
Biết trao về nơi mô !*

*Cội mai già vườn cũ,  
Rực rỡ ngày xuân xưa,  
Biển dâu qua mấy độ,  
Có còn với nắng mưa !*

*Xuân đi rồi xuân đến,  
Ngồi đây đếm thời gian.  
Mai vàng lại khai nụ,  
Con buồn lên mệnh man ...*

*Bao nhiêu lần mai nở,  
Bấy nhiêu lần xuân qua.  
Tuổi đời cứ chồng chất,  
Sực thấy mình thêm già !!!*

*Tất cả đều hư huyễn ,  
Còn lưã nghĩa vợ chồng.  
Sáng chiều xem mai nở,  
Thêm ấm cuộc tình nông .*

**Tuệ Quang TTT**

## ***Tết về trên xứ lạnh***

*Nhìn bông hoa nở  
Ôm ngọn lá non  
Thiếu nắng trời đông  
Hao gầy nhợt nhạt  
Phận bèo trôi dạt  
Tì thuở lưu vong,  
Rẻ không bám đất  
Tri âm vắng khuất  
Tri kỷ dần đi  
Tết về còn gì  
Để mà mừng đón  
Bạn bè sót lại  
Thân rả trí cùn  
Chuyện củ vui buồn  
Còn ai ghi nhớ...  
Xuân về xứ lạnh  
Tuyết phủ mênh mông  
Nêu pháo cũng không  
Còn bao lâu nữa  
Một cõi đi về.*

**Vanngoc**

## ***Xuân cảm***

*Xuân còn đất nước vẫn tồn vong  
Hào khí Tiên Rồng lắm kẻ mong  
Nhớ tết đập tan quân Đông Hán  
Hoài xuân quét sạch lũ Nguyên Mông  
Ám no chờ mãi còn chưa có  
Hạnh phúc đợi hoài vẫn trống không  
Đã bốn mươi xuân tàn cuộc chiến  
Đau lòng Quê Mẹ vẫn long đong .*

**Dư Mỹ**

## *Ngày Xuân nhớ lại*

**Nguyễn Mạnh An Dân**

Hai giờ bốn mươi lăm chiều, ngày 29 tháng Chạp âm lịch, đầu năm 1975, Tiểu đoàn trưởng 2/46, Thiếu tá Nguyễn Hữu, không thông qua âm thoại viên, trực tiếp gặp các Đại đội trưởng thuộc quyền trên tần số nội bộ và gọi tất cả đến gặp ông tại Bộ Chỉ Huy Tiểu đoàn: “Các cậu đến gặp tôi ngay bây giờ”. Giọng “ông già” chậm và rõ, cách nói vẫn là một kiểu ra lệnh nhưng không phải là thứ lệnh khô cứng, lạnh lùng như vẫn thường có ở một cấp chỉ huy ngoài mặt trận. Đơn vị vừa được rút về mấy giờ trước từ Trà Cao sau hơn nửa tháng lặn lội suốt một tuyến dài qua các mật khu lầy lội Trà Cú, Phước Chi. Tiểu đoàn trừ bố trí phòng thủ căn cứ Trâm Vàng và hai đại đội tác chiến còn lại rải dọc theo mép rừng cao su, cách quốc lộ và xóm nhà một đoạn ngắn và cách gia đình lớn không quá nửa tầm súng cối 60. Ngày cuối năm, vị trí đóng quân nhẹ nhàng. Không ai nói với ai nhưng tất cả ngầm hiểu: dương quân, ăn Tết.

Vàng là Bộ Chỉ Huy tiền phương, là điểm tiếp liệu chung cho nhiều quân binh chủng trong chiến dịch hành quân Campuchia nhiều năm trước. Căn cứ rất rộng với một lô cốt vuông vức được xây âm dưới lòng đất bằng xi măng cốt sắt làm Trung Tâm Hành Quân và một vòng tuyến với bờ đất cao đủ chỗ rải quân cho một tiểu đoàn đầy đủ quân số. Căn cứ vẫn thường bị pháo và thỉnh thoảng đặc công vẫn bỏ vào quấy nhiễu nhưng đối với một đơn vị bộ binh, quanh năm hành quân lưu động thì về Trâm Vàng là nghỉ ngơi, hưởng phước.

Tết nhứt có khác, phòng hành quân có một chút gì vui vui, lạ lạ. Lò thùng đạn đại liên xếp vuông với tấm bông-sô phủ gọn ở trên như một cái bàn thấp cùng mấy hộp bánh mứt Bảo Hiên và mấy chai rượu bọc giấy hoa như làm cho căn hầm sáng và đẹp hơn. “Phòng họp” ló nhô những người; các âm thoại viên đang lui cui kéo giầy ráp nối máy móc vào trụ ăng-ten cao nhòng trên nóc; Chỉ Huy Trưởng Hậu Cự, Sĩ Quan Ban Một, Sĩ Quan Tiếp Liệu và các Hạ Sĩ Quan chuyên môn gần như có mặt đầy đủ trong những bộ quần áo hồ cứng thẳng tung đang tươi cười chào hỏi những người mới đến. Ngày cuối năm, đơn vị được “ra hành quân” là một dịp lớn để mọi người vui với nhau một chút. Tiểu đoàn trưởng không cầm bản đồ, không hỏi han tình hình quân số và trang bị, không nhắc cái này, la điều kia như thường ngày, chỉ kêu lấy ra năm chai rượu, nhìn các Đại Đội Trưởng bằng ánh mắt trìu mến, nói “Mỗi cậu một chai, giao thừa lai rai một chút cho ấm bụng” và hất đầu ra dầu cho mấy anh em phục vụ “dọn tiệc”. Trà được bung tới, bánh được mở ra. Mấy sĩ quan hậu cứ lễ nghĩa và bóng bẩy chúc Tết sớm, mấy sĩ quan tác chiến

rõn rảng cười nói. Buổi tiệc tất niên bất ngờ, đậm bạc nhưng vui. Lĩnh mà, vậy là tốt rồi, được ngồi thoải mái với nhau vài tiếng đồng hồ, nói năm điều bảy chuyện, uống hợp nước, ăn chút bánh mà không phải nom nớp lo âu cho sự an nguy của chính mình và của đơn vị là tiên trên đời rồi, là số một rồi.

Giữa cuộc vui, Tiểu đoàn trưởng chậm rãi cho biết đã liên lạc với phòng ba chiến đoàn, không có kế hoạch gì đặc biệt, ông kết luận: “Chắc mình ăn Tết ở đây” và âu yếm nhìn các Đại đội trưởng trẻ, độc thân của mình, nói thêm, giọng ấm áp: “Câu nào có bạn gái hay người quen biết gì nhắn hậu cứ mời lên chơi cho vui, không dễ gì được năm gần lộ như thế này đâu!” Các Đại đội trưởng mau mắn đáp lại: “45 làm gương trước đi, mời chị lên chơi”. Tiểu đoàn trưởng cười cười: “Có, chiều nay bà ấy và mấy cháu sẽ có mặt, mười sáu năm rồi tôi chưa bao giờ được ăn Tết ở nhà, cũng chưa bao giờ được ở trong một căn hầm nào đẹp như thế này, cả nhà ăn Tết ở đây cũng tốt, năm mới mấy cậu ghé chơi.” Giọng Tiểu đoàn trưởng đều đều, không có vẻ gì than vãn, trách oán nhưng có chút nao nao, buồn buồn.

Lúc chia tay, ông đi với các Đại đội trưởng ra tận cửa hầm, dặn nhỏ: “Dưỡng quân ở đây, dặn em út lục soát, mở đường cẩn thận, nhưng cứ lờ cho anh em họ la cà ra xóm một chút, Tết nhứt chắc không đến nỗi nào đâu”. Ông nói với theo khi mọi người đã đi được một đoạn ngắn, giọng nghiêm lại: “Nhớ kiểm soát kỹ, tuyệt đối không được để em út say sưa, phá làng phá xóm.”

\* \* \*

51 Tùng, Đại đội một, trở về vị trí đóng quân của mình. Lại hậu cứ, lại bánh, rượu và báo Xuân. Câu chuyện vui về và thân mật; một ít giấy tờ phải ký, một ít tình hình quân số và tiếp liệu được trình báo, nhưng phần lớn là những lời thăm hỏi, chúc mừng. Hạ sĩ quan quân số, Trung sĩ nhất Thế, hỏi nhỏ khi Tùng đang lật lật mấy tờ báo Xuân: “51 cần tôi ghé Phú Nhuận không?”. Tùng suy nghĩ một chút rồi cười cười gật đầu: “Ồ, nhắn giùm cô ấy sáng mùng Một tôi đón ở Gò Dầu, quán Đồng Nội, chúc nữa tôi sẽ viết mấy chữ nhờ ông chuyển hộ.” Thường vụ đại đội, hạ sĩ quan tiếp tế, hạ sĩ quan chiến tranh chính trị bàn bạc rất lâu với nhau và cùng kéo đến gần Tùng: “Chắc mình nghỉ ở đây, có chút tiền phụ cấp Cây Mùa Xuân Chiến Sĩ, chúng tôi định chiều mai tặng khẩu phần ăn xôm xôm một chút, đại đội ăn chung với nhau một bữa, 51 nghĩ sao?” Tùng gật đầu: “Được, nhưng nhớ đừng gom hết lại một chỗ, các trung đội quay quần bên phòng tuyến của mình, Ban Chỉ Huy, súng cối và BK tách riêng ra một chỗ khác, coi chừng bị pháo, tôi sẽ xuống từng chỗ với anh em.”

Buổi chiều cuối năm im ả, bên xóm vắng tiếng trẻ đùa và xe cộ qua lại trên đường với dáng vẻ vội vàng, hối hả như đang chạy đuổi với

thời gian. Các nhân viên hậu cứ lần lượt từ giả. Tùng đi suốt một vòng tuyến, từng lúc dừng lại chỗ này chỗ kia nói chuyện với những người lính đang ăn vội bữa cơm chiều, anh ngồi chơi với anh em một lúc lâu đợi cho các toán tiền đồn vào vị trí xong mới chậm rãi trở về hầm chỉ huy của mình. Kế hoạch đón Tết vừa riêng vừa chung đều làm Tùng thấy vui. Mấy năm liền, tuy mang tiếng là hòa bình, ngưng bắn nhưng chưa năm nào đơn vị được rời vùng hành quân và ngày đầu năm nào Tùng cũng chỉ có thể hút với anh em một điều thuốc, nhấp với họ chút rượu chắt chiu trong những nắp bi-đông sóng đồ ngay tuyến phòng thủ giữa mặt trận. Ý nghĩ về một bữa cơm đơn vị làm Tùng thấy ấm lòng, anh nghĩ đến lá thư viết vội cho Thiên Kim vừa gửi trung sĩ nhất Thế với lời tái bút vui vui: “Khi nào nghe lơ xe hô lớn Gò Dầu nghe bà con là em xuống xe, nhìn bên trái sẽ thấy anh đứng đón, nhớ đừng tìm ông có râu cao bồi, coi chừng lộn với ông nào khác. Tết nhứt anh sẽ làm đẹp để đón tiểu thư.”

Lần đầu Thiên Kim lên thăm Tùng ở đơn vị, nghe anh em nói với nhau “cô lên, cô lên” nằng đã thẹn đỏ mặt và chờ lúc không có ai mới phụng phịu cự nự người yêu: “Cô chắc là chữ mấy ông lính dùng gọi các bà vợ người chỉ huy của họ, em là gì của anh mà cũng cô cô trong này, kỳ cục”. Tùng đã cười ha hả trêu lại nằng: “Cô là tiếng ngắn gọn, dễ nghe và nhiều ý nghĩa nhất trong các tiếng, em không chịu gọi như vậy anh em họ sẽ kêu bằng bà người yêu của ông Trung úy nghe còn dễ sợ hơn nữa, tùy em quyết định đi” và Thiên Kim đã chịu thua, đã tiếp tục làm “cô lên” bất cứ lúc nào có thể.

Ước mơ của người lính thật đơn giản, ông Tiểu đoàn trưởng muốn được đoàn tụ cả nhà trong hầm chỉ huy qua với nhau một cái Tết gia đình; ông Đại đội trưởng muốn những người lính có thể ngồi ăn chung với nhau một bữa cơm bên bờ tuyến có chút thịt cá phụ trội và những lời thăm hỏi chúc mừng năm mới. Chuyện như đã chắc trong tâm tay mà cũng không thực hiện được. Trong vòng hai mươi bốn tiếng đồng hồ tiếp đó, nhiều sự việc bất ngờ đã xảy ra. Kế hoạch không đến từ Chiến đoàn, Sư đoàn, nó đến từ một chỗ cao hơn.

Tám giờ tối ngày 29, Tiểu đoàn 2/46 nhận lệnh yểm trợ đơn vị bạn thi hành công tác. Đại đội công sự nặng thuộc Tiểu đoàn 25 công binh chiến đấu kéo đến, có Tiểu đoàn trưởng, Sĩ quan tham mưu quân đoàn, Sĩ quan chuyên môn Cục Công Binh đôn đốc và kiểm soát. Máy phát điện được mở lên, xe ủi, xe xúc, xe cầu hụ tới hụ lui. Lệnh phải hoàn tất một ụ thuyết trình dã chiến kiên cố và gọn đẹp trước sáu giờ sáng.

Trong đêm, Trinh sát Sư đoàn, Trinh sát Trung đoàn, các Tiểu đoàn 1 và 3/46, một số Tiểu đoàn Địa Phương Quân thuộc hai Tiểu khu Tây Ninh và Hậu Nghĩa nhận được lệnh chuyển quân. Toàn bộ các điểm

trọng yếu chung quanh khu vực Trâm Vàng đều có lực lượng lục soát và án ngữ. Chưa có tin tức chính xác nào được phổ biến nhưng căn cứ vào lệnh điều động, mọi người đều có thể tiên đoán một giới chức rất quan trọng sẽ đến thăm căn cứ Trâm Vàng.

Sáu giờ sáng ngày 30 tháng Chạp, Tiếp liệu Tiểu đoàn 2/46 với lệnh cấp phát đặc biệt từ Phòng 4 Sư đoàn và phương tiện chuyên chở của Tiểu đoàn 25 vận tải đã có mặt và trang bị bổ sung cho toàn đơn vị. Những đôi giày bố, nón sắt, giày ba chạc và khăn quàng cổ mới được cấp phát ngoài cấp số. Tiểu đoàn 2/46 nhận lệnh kiểm tra quân phục, quân số, trang bị và lục soát, lập các toán án ngữ bảo vệ toàn bộ khu vực trước khi tập trung tại tọa độ XT ... trước 10 giờ sáng.

Những khẩu lệnh quân trường được hô to: “Bên trái làm chuẩn, cao trước thấp sau, Trung đội hàng dọc, Đại đội hàng ngang”, Tiểu đoàn được tập hợp thành một khối hình chữ U dưới sự điều động của Tiểu đoàn phó. Tiểu đoàn trưởng và Ban Tham Mưu đang chuẩn bị thuyết trình trước phái đoàn Trung ương tại Trung Tâm Hành Quân mới vừa hoàn tất trong đêm trước. Tin tức chính thức cho biết: Đại diện sư đoàn 25/BB, Tiểu đoàn 2/46 được vinh dự đón tiếp nguyên thủ quốc gia và phái đoàn chính phủ thăm viếng và ủy lạo nhân dịp Tết dân tộc.

Băng đạn được tháo ra, sáu lần thao tác an toàn súng được lập lại. Đội hình sẵn sàng trong tư thế chờ đợi. Một chút kiêu hãnh, một chút xót xa. Máu của biết bao anh em đồng đội đã đổ ra ở Suối Đá, máu của biết bao anh em đồng đội khác đã đổ ra để dành lại từng tấc đất, từng bụi cây trước khi cầm được ngọn cờ tổ quốc lên bờ đất đỏ nát của căn cứ 82 và còn nhiều nữa ở Phú Thứ, ở Phước Tân, ở Cần Đăng, Trại Bí, Dầu Tiếng, Phú Hòa Đông, Chà Rầy, Hố Bò, Trung Lập,.. Tiểu đoàn 2/46 từng đổ máu, từng hy sinh nhưng chưa bao giờ lùi bước và cũng chưa bao giờ thất bại trong nhiệm vụ dù nhiều khi cái giá phải trả ra thật đáng đau lòng. Người lính 2/46 đã làm hết sức mình, họ không hiểu biết gì nhiều, không đại ngôn lớn lối tự khoát cho mình một lý tưởng, một mục đích gì to lớn, vĩ đại. Họ chỉ cố gắng chu toàn nhiệm vụ của những người lính nhỏ nhoi vì anh em đồng đội, vì đơn vị, vì quân đội và vì tổ quốc của mình. Họ không chờ đợi và cũng không hề biết sẽ có ngày hôm nay. Họ chỉ làm những gì phải làm, vậy thôi.

12 giờ 30, đợt khách đầu tiên ào tới. Những cận vệ vòng ngoài gùm gùm, AR-18 cặp nách, bố trí khắp nơi; những chuyên viên rà mìn, máy móc rề rề rà tìm từng gốc cây, bụi cỏ.

12 giờ 45 đợt khách thứ hai ào tới, máy vi âm được lắp ráp dù đã có sẵn, chuyên viên quay phim, chụp hình chạy tới chạy lui. 1 giờ chiều Nguyên thủ quốc gia tới. Quân cảnh, tùy tùng đông nghẹt. Kèn trống rộn ràng. 2/46 Hành Khúc vang lên “2/46 lưng vang chiến công, về đây chung sức đắp xây quê hương, một lòng vì dân đoàn ta chiến đấu, quyết

*đem thân mình bảo vệ quê hương. Long An giúp dân, giúp dân, giúp dân; Tây Ninh trấn biên, trấn biên, trấn biên, đây Campuchia xông pha bao lần...”*

Những lời chào mừng bóng bẩy được đọc lên, những lời khen ngợi rườm rà được nói ra; những cái bắt tay, những lời thăm hỏi máy móc được lập lại. Người lính im phất trong hàng, trong một giây phút, hình như lòng quặn lại, mắt mờ đi. Loáng thoáng đâu đó là hình ảnh mẹ già, vợ trẻ, con thơ, mái nhà tranh, khu xóm nghèo và những xô xao ngày Tết không trọn vẹn; rồi đâu đó hình như có tiếng hô xung phong, những tiếng nô, máu, những xác người, những anh em đồng đội nằm xuống, những người khác tràn lên, lại những người nằm xuống... Cứ như thế, nhập nhòa giữa những bóng bẩy hào quang là những hồi ức buồn thảm. Lại trống, lại kèn, những người lính thoảng vui rồi chợt buồn. Chiều ba mươi, giờ này đây, hàng ngàn anh em đồng đội, những người đã bất ngờ nhận lệnh, đã mò mẫm di chuyển, đã căng mắt bố phòng suốt đêm qua và đang ghim súng bảo vệ ở đâu đó giữa hiểm địa, rừng sâu. Người lính không có giờ giấc, không biết tháng ngày, chiến đấu và hy sinh. Đằng sau mỗi vinh quang là những gian khó và thảm kịch. Người lính không hề có tròn nét môi cười, không biết thế nào là trọn vẹn niềm vui. Quân kỳ có thêm một giây biểu chương màu Bảo Quốc, người lính ưỡn ngực, ngẩng đầu nhưng trong lòng thoảng chút xót xa. Buổi lễ chấm dứt, những người khách lên xe, người lính ở lại. Ba lô lên vai và những ngày mới sẽ đến. Còn một đêm nữa là năm mới.

\* \* \*

Đại đội 1 về tới truyền phòng thủ lúc 5 giờ 30. Bữa cơm chung dự định sẽ bắt đầu vào lúc 6 giờ. Pông-sô đã được trải ra, thịt quay, chả lụa đã đựng đầy nhiều nón sắt. Hình như có bánh chưng, dưa kiệu, mứt gừng, mứt bí và vài món linh tinh khác. Binh nhất Vinh, thằng em phục vụ thân thiết lẳng xăng chạy tới chạy lui báo cho Tùng biết diễn tiến việc chuẩn bị ở từng trung đội. Tùng nói “kiếm cho tao cái ly, năm nay ăn Tết đằng hoàng một chút, cứ nắp bi-đông hoài coi không được.” Vinh đáp lớn “Xong rồi 51, sáng nay em hỏi mua lại cái ly cà phê ngoài quán, định trả tiền nhưng bà chủ nói tặng ông sĩ quan uống rượu Tết cho vui” và cười cười, bước lại gần Tùng, nói nhỏ, giọng có vẻ ngượng: “Chóc nữa em sẽ hát tặng Trung úy bài “Xuân Nay Con Không Về”. Tùng nhìn người lính trẻ: “Cậu hát được à? Sao lâu nay không thấy ngheu ngao cho vui. Tốt lắm, nhưng đâu phải chỉ mình tao “không về”, hát tặng chung anh em đi”. Vinh dạ dạ và nói thêm, giọng nhỏ lại “Em cũng hát cho em nữa”. Tùng nói: “Đúng, hát tặng chung tất cả chúng ta”. Hai thầy trò đều cười vui, nhưng bài hát đó không bao giờ được hát.

5 giờ 45, súng cá nhân nổ rất hướng rừng cao su phía xa, cùng lúc, mưa pháo phủ ngập căn cứ Trâm Vàng. Chiến thuật mới: tấn công



các đơn vị hành quân lưu động bằng bộ binh và khóa miệng các căn cứ hỏa lực, các đơn vị yểm trợ bằng pháo kích. Chưa có tin tức chính thức nào từ Chiến đoàn. Tiểu đoàn ra lệnh các đơn vị trực thuộc phân tán con cái bố trí dọc mép rừng cao su để tránh pháo và chờ lệnh. Bữa cơm tất niên của Đại đội 1 vừa được bày biện đã vung vãi vì sức nổ, mảnh đạn và sỏi cát của trận pháo kích. Những người lính bụng trống vượt bờ đất lao về phía trước giữa những tiếng nổ.

6 giờ chiều, Tiểu đoàn trưởng 2/46 gọi các Đại đội trưởng nhận lệnh hành quân tại bìa rừng cao su phía sau căn cứ Trâm Vàng. Sĩ quan Ban 3 đưa phóng đồ hành quân vón vẹn chỉ có một vòng tròn đỏ cách điểm xuất phát 2 cây số về phía Cầu Khởi. Tiểu đoàn trưởng ngắn gọn thông báo tình hình và ban hành những chỉ thị cần thiết. Theo đó, Tiểu đoàn X/49, đơn vị hành quân án ngữ bảo vệ an ninh cho buổi lễ đón tiếp thượng cấp đã bị tập kích trên đường rút lui sau khi hoàn tất nhiệm vụ. Liên lạc vô tuyến với X/49 đã hoàn toàn bị gián đoạn và khả năng có thể là đơn vị bạn đã bị tổn thất nặng và đang tản lạc trong khu vực hành quân. Nhiệm vụ của 2/46 là tiến về hướng được ghi nhận đã có giao tranh, giải tỏa áp lực địch, tìm đón những binh sĩ bị thất lạc, tải thương và gom nhặt xác những chiến sĩ đã hy sinh.

Tiểu đoàn trưởng dặn tới dặn lui: “Cẩn thận tối da. Chắc chắn có nhiều người của mình tản lạc trong khu vực, đừng ngộ nhận tác xạ lầm quân bạn nhưng cũng đừng lơ là đề địch quân trà trộn tập kích.” Ông nói thêm trước khi các Đại đội trưởng trở về vị trí chuẩn bị điều động đơn vị di chuyển, giọng rất buồn: “Bảo em út cố gắng, rất nhiều anh em đang cần đến mình. Tết nhứt tôi biết, nhưng tình hình không thể trì hoãn được. Rán lên.”

Trời tối dần, đơn vị di chuyển chậm chạp, từng lúc phải dừng lại bố trí, quan sát, nhận dạng và đón người. Những binh sĩ thất tán mừng rỡ gặp lại quân bạn nhưng trạng thái căng thẳng, hoang hốt biến họ thành ngần ngại, lơ lửng và những lời trình bày của họ lộn xộn, rối ren, trùng lặp về diễn tiến của trận đánh và không ai chắc chắn được điều gì về số phận đơn vị của mình. Điều ghi nhận rõ nhất là trận đụng độ rất khốc liệt và phần thất lợi về phía quân bạn.

9 giờ 30 đêm, những đơn vị đầu tiên tiếp cận khu vực giao tranh. Trời tối đen, không khí lặng lẽ, lạnh lẽo. Những ánh hỏa châu nhấp nhoe, lung linh vội sáng vội tắt trên một khu vực tiêu điều, xác xơ vung vãi những cành cây đổ vì đạn pháo kích của cả hai phía. Những xác người đầu tiên được tìm thấy. Không ai có thể xác nhận được hình dạng và lý lịch của những chiến sĩ bất hạnh này.

9 giờ 40, Tiểu đoàn cho biết Chiến đoàn đã tái liên lạc vô tuyến được với Tiểu đoàn X/49. Đơn vị bạn bị đột kích, hai đại đội bọc hậu bị cắt đứt khỏi đội hình chung và bị thiệt hại nặng chưa liên lạc và kiểm kê

được. Tiểu đoàn bị pháo kích và hệ thống liên lạc bị hư hại nhưng đã tái hoạt động trở lại. Đơn vị bạn đã về đến vị trí an toàn dù quân số không đầy đủ.

Lệnh dừng quân và phòng thủ đêm được ban hành. Những người lính làm lụi đèn, tắt đèn, căng mìn. Những toán tiền đồn lặng lẽ tiến về phía những vị trí được chỉ định. Người lính mệt mỏi mở bao cơm sấy lạt lẽ, nguội lạnh, mò mẫm dùng bữa cơm chiều. Không khí im ắng, nặng nề; người người lặng thầm, chịu đựng. Đêm cuối năm, vài tiếng đồng hồ nữa là giao thừa, năm mới. Rừng đêm, bất trắc và tử khí. Người lính uống vội hớp nước, nằm lẩn ra đất nhìn lên trời cao tối tăm, cao thăm cổ quên những thực tế đau lòng, rán đồ giấc ngủ chờ đến phiên được kê dây, đổi gác.

10 giờ 30, Tiểu đoàn gọi các đại đội; đại đội gọi các trung đội để hỏi nhau cùng một câu hỏi: “Có nghe thấy gì không?”

Tiếng rên. Rất nhiều tiếng rên đau đớn và thê thiết, xa có, gần có. Các thương binh rải rác đâu đây có lẽ vừa qua cơn tê điếng lúc đầu cộng với khí lạnh trời đêm làm họ không còn chịu đựng được nữa. Tiểu đoàn trưởng gợi ý, không phải ra lệnh: “Rán cho biệt kích dò theo tiếng kêu lên đón anh em về được không? Lạnh thế này, chờ đến sáng chắc chết hết.” “Không được, mìn cơ động đã gài cùng khắp, lạng quạng không giúp được ai mà hại thêm đến anh em mình”. Các Đại đội trưởng đồng loạt trả lời, trách nhiệm với đơn vị buộc phải từ chối nhưng lòng đau như cắt, đứng ngồi không yên. Tiếng rên như những vết đâm xé ruột những người hiện diện.

11 giờ 20, binh nhất Vinh mò tìm đến hầm chỉ huy, dúi vào tay Tùng chiếc bi-đông nặng nặng, thì thầm: “51 làm hớp rượu cho ấm.” Tùng mở nắp bình rượu, Vinh cười khẽ và nói tiếp: “51 dùng đỡ nắp bi-đông, chiều nay có cái ly, lúc chạy qua bờ đất rớt lại nhưng pháo rát quá, em không dám quay lại lấy, 51 thông cảm”. Tùng cầm tay người lính trẻ bóp nhẹ: “Được rồi, không sao.” Vinh giục “51 uống đi”. Tùng cầm bình rượu định uống nhưng rồi ngừng lại, bảo Vinh: “Cậu ra gọi ông Thường vụ vào làm với tôi vài nắp, tôi không muốn uống một mình”.

Người Thượng sĩ già nhẹ nhàng đến ngồi bên Tùng, nói nhỏ, cố tỏ vẻ bình thản, dừng dừng nhưng giọng nói run run, xúc động: “Tôi mới đi một vòng tuyến, hết nghe tiếng rên rồi, chắc chịu hết nỗi. Chết làng xẹt, sao không rán một chút nữa cho biết năm mới với người ta!” Tùng nói: “Thôi, mình không làm gì được, có đau lòng cũng vậy thôi. Phú cho trời đi. Ông làm với tôi chút rượu cho ấm. Tôi tưởng ở Trâm Vàng nên định sáng mai cho ông về hậu cứ chơi với bà ấy và mấy cháu một bữa cho vui không ngờ mình ở đây. Tôi rất tiếc.” Tùng uống một nắp rượu và chuyển cả bình và nắp cho người đối diện. Người Thượng sĩ già cầm bình rượu, run run kê miệng bình sát vào nắp, cẩn thận rót nhẹ cho rượu

khỏi đồ ra ngoài, nói nhanh trước khi đưa nắp rượu lên ực một hơi: “Cảm ơn 51 đã nghĩ đến nhưng không sao đâu, quen rồi, mấy chục năm nay có bao giờ tôi được ăn Tết ở nhà đâu, mẹ cháu và sắp nhỏ cũng quen rồi, không chờ và cũng không hy vọng sẽ có tôi ở nhà. Thêm một năm nữa cũng đâu có sao!”

Tùng uống với người lính già phụ tá gần nửa bình rượu. Có tiếng bước chân khe khẽ và tiếng gọi thì thầm kêu nhau đổi gác. Tùng nói: “Thôi, ông về nghỉ đi, bảo khâu trưởng súng cối thay ông đốc canh, tôi cũng còn thức đây, để tôi coi ngó anh em cho.” Người Thượng sĩ già đứng dậy, nói nhỏ “Mừng tuổi 51” rồi nói lớn hơn một chút “51 nghỉ đi, tôi không ngủ được, nói vậy chứ Tết nhưt mà, cũng nóng ruột. Tôi sẽ kiểm soát anh em canh gác cẩn thận.”

12 giờ 05 đêm, Tiểu đoàn trưởng gặp các Đại đội trưởng trên máy, nói gọn bốn chữ “Chúc mừng năm mới.” Các Đại đội trưởng cũng lập lại mấy chữ tương tự và hỏi thêm: “Chiều nay rồi chị và mấy cháu lên tới tính sao, 45?” “Không biết, gấp quá tôi dặn bà ấy đưa mấy đứa nhỏ về Sài Gòn nhưng không biết giờ đó còn đón được xe cộ gì không? Không khéo mấy mẹ con đón giao thừa lêu bêu ngoài đường không chừng. Tôi đã gọi hậu cứ nhờ tìm mà chưa thấy ai báo gì, cũng kẹt.”

12 giờ 10 Tùng gọi các Trung đội trưởng chúc mừng năm mới, nhận lại lời chúc rồi sang tần số nói chuyện với Thắng, chàng Trung úy có người yêu là nữ sinh viên Chính Trị Kinh Doanh thời còn là lính mới tò te ở trường Chiến Tranh Chính Trị, hai người đã đính hôn và cũng giống như Thiên Kim, cô nàng thường lên đơn vị thăm Thắng bất cứ lúc nào tới được. Bạn chiến đấu và đồng cảnh, Tùng nói chuyện với Thắng tự nhiên, thoải mái: “Ông có hẹn cô ấy mai lên không?” “Có”, Thắng đáp và nói thêm “10 giờ sáng, quán Đồng Nội, còn ông?” “Cũng có, cũng quán Đồng Nội 10 giờ sáng”. Thắng cười cười và nói, giọng lo lắng: “Đã liên lạc được với thằng X/49 cũng nhẹ gánh. Không biết mai mình có ra sớm được không?” “Hy vọng ra sớm”, Tùng nói nhưng thật tâm anh không nghĩ như vậy, và thực tế đã chứng minh không phải như vậy.

5 giờ 30 sáng ngày mùng Một tháng Giêng, Tiểu đoàn 2/46 cuốn mìn, lấp hố, rời vị trí đóng quân đêm, mở rộng đội hình án ngữ và lục soát toàn bộ khu vực. Mười chín thương binh nặng nhẹ, mười một tử thi được tìm thấy, hai mươi bốn binh sĩ thất lạc được đón về.

11 giờ sáng ngày mùng Một. Chiến đoàn cho biết đã kiểm kê đầy đủ quân số Tiểu đoàn X/49. Tiểu đoàn 2/46 chấm dứt nhiệm vụ tìm đón binh sĩ thất lạc, gom xác, tải thương và nhận nhiệm vụ mới: hành quân truy kích địch. Lệnh hành quân chỉ định 5 mục tiêu, lộ trình tổng cộng 11 cây số. Cuộc hành quân không chậm địch, không tổn thất nhưng kéo dài 5 ngày. Ngày mùng Năm tháng Giêng, Tiểu đoàn 2/46 được rút về làm

lực lượng trừ bị cho Chiến đoàn tại căn cứ Đức Dũng, gần ngã ba Phước Hiệp.

\* \* \*

Đại đội nhận tuyến phòng thủ, Thường vụ phân chia khu vực trách nhiệm cho các Trung đội rồi trở vào gặp Tùng ở hầm chỉ huy: “Mới mồng Năm, chưa hạ nêu, vẫn còn Tết, 51 muốn nói chuyện với anh em không tôi tập hợp?”

Tùng hỏi Vinh “Mấy chai rượu hậu cứ mang lên còn không?” Vinh đáp “Còn, 51”. Tùng dặn Thường vụ tập hợp đại đội rồi quay lại nói với Vinh: “Cậu đi mời mấy ông 50, 52, 53, 54 tới chơi và chuẩn bị hát “Xuân Nay Con Không Về”. Vinh cười, đưa tay gỡ gỡ đầu và nói, vẻ bẽn lèn: “Em sẽ đi mời mấy thẩm quyền kia ngay, còn vụ Xuân Nay Con Không Về, 51 cho em đổi lại là Đồn Vắng Chiều Xuân. Bài kia buồn quá em sợ mới làm mấy câu đã khóc không hát được hết”. Tùng thấy nghèn nghẹn những vẫn gượng cười, vỗ nhẹ nhẹ lên vai người lính trẻ, dễ dãi: “Muốn đồn vắng thì đồn vắng.”

Hôm đó Tùng đã nói chuyện rất lâu với những anh em sinh tử của mình, chia sẻ với họ nỗi niềm về cả một thế hệ nhiều kiêu hãnh và cũng đầy bất hạnh, uống với họ những nắp rượu đắng cay và kết luận với hy vọng một cái Tết vui hơn, đầy đủ hơn.

Hy vọng đó không bao giờ có, năm âm lịch chậm sau dương lịch hơn ba mươi ngày, đã đầu tháng 2 năm 1975, không đầy ba tháng sau là thảm kịch 30 tháng tư. Thời gian không dài nhưng tai biến và đau bề đã liên tục xảy ra cho một đơn vị bộ binh tác chiến giữa giai đoạn khó khăn, sinh tử cuối cùng. Nhiều anh em đã không còn, Trung sĩ nhất Võ Siêng, quyền Trung đội trưởng Trung đội 3 đã hy sinh ngày 27 tháng tư; người khách, người bạn chiến đấu, Trung úy Nguyễn Đức Thắng đã vĩnh viễn lìa xa anh em đêm 28 tháng tư; Thiếu úy Nguyễn Trung Còn, Trung đội trưởng trung đội 1 nằm lại giữa cánh đồng bùng ba tiếng đồng hồ trước khi đơn vị không còn biết một nơi nào còn có quân bạn để tìm đến chiều ngày 29 tháng tư. Đại đội 1, Tiểu đoàn 2/46 không bao giờ còn có dịp ăn với nhau một cái Tết, cho dầu là chỉ để uống với nhau chút rượu đắng trong nắp bình đồng bên bờ tuyến phòng thủ.

*Nguyễn Mạnh An Dân*

## **Bài hành cuối năm**

Bạn gửi tặng ta chai rượu quý  
Gọi là nhắm nhấp để thơm râu  
Biết tiếng bạn là người hay rượu  
Nhưng thầy thuốc cấm, nhịn bấy lâu  
Tàn năm rót tạ lòng tri kỷ  
Trần ly chẳng biết rót về đâu  
Cử ngỡ như trong câu thơ cổ  
Cuối năm ngồi đối ẩm cùng sầu  
Già ! ừ thì cũng chưa già lắm  
Mà trẻ, thời qua cũng đã lâu  
Đôi khi nhìn cứ như ông lão  
Mấy thuở được làm đũa trẻ trâu  
Nhìn ngây đáy cốc tràm ngâm mãi  
Hổ phách lên men óng ánh màu  
Bạn, ta mấy chục năm luân lạc  
Cam làm thân Lã Vọng buồn câu  
Phé hưng lóp lóp nghe lòng đắng  
Một sớm soi gương thấy bạc đầu  
Ly hương một kiếp dài đằng đẳng  
Năm thuở mười thì mới gặp nhau  
Mà vẫn nhớ hoài tình tri ngộ  
Dẫu bao con nước chảy qua cầu  
Tàn canh ngồi ngắm tình nhân thế  
Bạc cái nổi đời lấm bết đầu  
Sắp giữa bình sinh chưa nên chuyện  
Mà thời gian cứ trôi qua mau  
Mây vẫn lững lờ mây viễn xứ  
Biển biệt phương người cánh hải âu  
Cuối năm rượu rót buồn không nhấp  
Dằng dặc tình bằng chuyện trước sau  
Cơm áo nợ tình tròn một kiếp  
Ngửa tay nguệch ngoạc một đôi câu  
Thơ cứ viết tràn như đồng thiếp  
Cho nhẹ lòng thôi chẳng vì đâu  
Cuối năm chiều xuống rơi chầm chậm  
Thấp thoáng vàng phai nhạt mấy màu  
Em hãy ngồi bên cho có bạn  
Để ta soi bóng đáy mắt nâu  
Chiêu ngậm rượu lên đầy cảm khái

Mà lời tận tuyệt chẳng thành câu  
Em chớ nhìn ta mà ái ngại  
"Bất tu dụng tửu phá thành sầu"  
Thôi nhé ! lão đồ gàn vô dụng  
Cả đời làm những chuyện ruồi bâu  
Buổi chiều cuối năm như giấc mộng  
Đời chia biên giới mấy vai cẩu  
Chẳng may may gì mà tâm động  
Tình ra, thơ nát rượu lưng bầu

**Cao Ngọc Cường**



# *Nụ hôn đêm giao thừa*

**Linh Vang**

Tôi được việc làm ở công ty Microsoft. Từ New Jersey tôi về lại thành phố Seattle lần này trong niềm hân hoan sống cùng với gia đình. Các năm trước tôi thường về thăm nhà vào cuối năm dịp Giáng Sinh - Tân Niên, rồi vội vã rời nhà sau đó, nhưng đặc biệt từ bây giờ sau mùa lễ lộc, tôi không còn phải cuốn gói đi nữa.

Đêm giao thừa vài người bạn rủ tới chỗ nhảy, tôi gặp một số bạn quen cũ khác, mỗi người tay bắt mặt mừng, hỏi thăm nhau vài câu, nhảy vài bản nhạc cũng đủ làm tôi thấy mệt, và cuối cùng tôi được về yên. Ngồi cùng bàn với Thùy Chinh, em của Yến Chi, vì đông người, tôi chưa có dịp nói chuyện nhiều, hơn nữa đã lâu không gặp nên hôm nay là một dịp thích thú.

Tôi vui vẻ nói:

– Anh mới về nên chưa đến thăm Chinh và Yến Chi được. Mong đừng trách anh nhé!

Chinh nở nụ cười thông cảm và từ tốn nói:

– Không có đâu.

Tôi cười hỏi lại:

– Trông anh có gì lạ không?

Thùy Chinh ngập ngừng, khuôn mặt luống cuống tìm che trong mái tóc xõa, ngày xưa tóc nàng ngắn hơn, như bị bắt quả tang là có để ý đến tôi và phải nhận tội:

– Đàn ông mập một tí có vẻ khỏe mạnh hơn.

Tôi lại cười nhắc:

– Nhớ không, ngày đó tôi ốm và cao lêu nghêu chỉ sợ qua cầu gió bay thôi, mong bám vào cô nào có da có thịt...

Chinh cười khúc khích. Nhớ lại chuyện xưa, mới đó đã ba năm, tôi theo việc làm qua tận New Jersey vì không tìm được việc ở đây. Ngày từ già, buồn vô hạn, gần như muốn khóc vì vừa xa gia đình vừa xa Diệu Hương, cô bạn gái mới vừa quen.

Tôi lại không có người thân bên ấy, nên khi được việc, tôi buồn nhiều hơn vui. Nhưng không còn cách nào khác hơn, vì lúc đó tôi bị Boeing - làm ăn khó khăn cắt người- cho nghỉ việc đã 2 năm và đang làm việc linh tinh chẳng dính líu gì đến nghề chuyên môn của mình. Gia đình lo lắng, bạn bè ái ngại dùm làm tôi mất tự tin, đôi khi chỉ vài câu nói thông thường cũng đủ làm tôi buồn. Miệng thế gian có lúc ác độc vô tả,

và họ luôn nhắc khéo tôi rằng, một cái bằng kỹ sư mà không dùng vào việc gì sau một năm thì sẽ không còn giá trị nữa.

Tôi vẫn trung thành lái chiếc xe trắng Chevrolet 8 máy chạy khùng điên vào cuối tuần xuống Olympia đón Diệu Hương, rồi chạy ngược về thành phố Seattle nơi tôi ở mới có chỗ nhảy đầm, rồi đưa Diệu Hương về Olympia, rồi tôi về nhà tôi khi...lố dạng ánh bình minh! Đồ xăng như là có hùn với hãng xăng! Cũng hên con “thiên lý mã” của tôi chưa lần nào nằm trên xa lộ I-5.

May mà thời gian này chỉ xảy ra trong vòng một năm. Nếu biết trước mình lông bông như vậy, thì tôi đã không dám cưa đào ở xa. Chắc cũng có người nói nhỏ sau lưng tôi rằng: “Thằng đó hay thật! Seattle - Olympia, đi lên đi xuống, nhảy đầm, xã giao như một người bình thường.” Vì thất nghiệp, tôi lại càng phải tỏ vẻ bình thường, đôi khi cất tiếng hát tự thưởng cho mình: “Đi lên đi xuống, may mà có em, đời còn dễ thương...em Olympia má đỏ môi hồng...”

Tình cảm của Diệu Hương đối với tôi thì đã cất cánh bay xa; nàng có người yêu nửa năm sau lúc tôi rời khỏi Seattle. Ngày nghe tin nàng đi lấy chồng, tôi thấy lòng mình bình thản, quả là con tim của tôi không mềm yếu như tôi đã tưởng, nó cũng đã quên đi chuyện sang ngang của “người ấy” rồi.

Ba năm sống và làm việc ở New Jersey, tôi cũng chưa kiếm được cho mình một cô bạn gái nào. Tôi chột mím cười, có lẽ nhờ vậy mà tôi không đóng rong mọc rêu ở bên ấy. Tôi vẫn nghĩ tới Chinh như là cô em gái. Đôi khi có xao xuyến, tôi lại xua đuổi ngay cái cảm xúc ấy.

Dòng quá khứ của tôi bị cắt đứt đột ngột khi Chinh lên tiếng:

– Diệu Hương bây giờ gầy lắm, anh biết không? Cô ấy có 2 con rồi!

Chinh nói, tưởng như nàng có thể đọc hết được những ý nghĩ trong đầu tôi. Âm thanh thật nhẹ nhàng, lời Chinh nói tưởng như mất hút trong tiếng nhạc ồn ào. Tôi gật đầu và nói:

– Lệ quá!...Anh cũng không trách gì Hương, nhưng tự trách mình nhiều hơn.

Rồi tôi hỏi:

– Còn Chinh, có gì thay đổi không, trong mấy năm nay Chinh làm gì?

Hỏi xong, tôi lại ngạc nhiên cho chính mình. Tôi đã dùng câu hỏi đó với Chinh sao? Những năm lui tới nhà Yên Chi, bạn học thời UW với tôi, tôi không mấy để ý tới Chinh. Chỉ thấy Chinh cắt tóc ngắn, dễ thương. Chinh biết rất rõ về cuộc tình giữa tôi và Hương. Rồi thời gian tôi ở New Jersey, Chinh ở đâu, làm gì, tôi nào có biết, chỉ nhớ là Chinh vẫn ở gần, vẫn hiện diện trong những lần đi chơi cả nhóm, vẫn thấp thoáng trong đời sống của tôi.



Giờ thì Chinh ngồi đây, tóc nàng đã dài hơn. Câu hỏi quá bất ngờ của tôi làm nàng lúng túng, đôi mắt chớp nhanh, và dù trong ánh đèn mờ nhạt, tôi đoán là hai gò má nàng đã ửng hồng.

– Vẫn chẳng có gì thay đổi. Còn anh, ở New Jersey vui không?

Tôi nói như than thở:

– Không có việc ở đây mới đi, làm sao bằng ở gần nhà!

Chinh tiếp lời:

– Bây giờ về Microsoft vui rồi.

Ban nhạc chơi khá ồn ào, nhạc bây giờ đều như vậy, tôi nói gần như hét trong suốt buổi nhảy: than về đám bạn cũ giờ chẳng còn mấy đứa, theo công việc làm ăn tản mác khắp nơi, về nỗi bận rộn của những người còn ở lại... Để dễ nói chuyện, tôi ngồi gần nàng hơn, và rồi có thể thấy đôi mắt đen to mở lớn và nhận được mùi nước hoa nhẹ thoang thoảng, làm tôi ngất ngây.

Bao năm nay tôi biết Chinh dễ thương, ngoan, và lại thông minh. Bây giờ Thùy Chinh đã lớn, cô em nhỏ của bạn là một thiếu nữ xinh đẹp và thùy mị.

Tôi nói nhiều, còn nàng thì ngồi yên lắng nghe, chừng như nhận thấy được điều đó, tôi cười xin lỗi:

– Anh than thở quá có làm phiền Chinh không?

Chinh lắc đầu nói nhẹ:

Không đâu, anh cứ nói, em muốn nghe. Những năm anh đi xa..., em ...cũng buồn. Em nhớ những ngày có anh và bạn bè đến thăm chị Yến Chi, dạo đó em rất vui. Bây giờ, anh Phan với chị Yến Chi cũng bận rộn chẳng khác gì ai, nhất là từ lúc có hai nhóc tí sinh đôi. Bạn mà vui, như chị Yến Chi vẫn nói, hạnh phúc giờ chỉ còn là gia đình nhỏ đó thôi.

Tôi nghe Chinh nói mà nghĩ như đó là một trách cứ nhẹ nhàng. Cả hai đều im lặng một hồi, sau đó tôi mới nói:

Anh cần một thời gian để mọi việc trở lại bình thường; anh sẽ trở lại thăm em như xưa...

Chinh đặt nhẹ bàn tay ấm áp của nàng lên lưng bàn tay của tôi nói:

– Việc đâu sẽ còn có đó. Anh đừng vội lo.

Tôi cười hỏi về nàng:

– Chinh sống với ba mẹ chắc không có gì để than thở?

Chinh từ từ rút bàn tay về, tôi tiếc cho giây phút thân mật, hạnh phúc này quá ngắn. Chinh nói:

– Anh biết thời tiết ở đây mà, mưa mát mùa. Định hỏi anh New Jersey có khá hơn không?

– Nhưng đi xa lại nhớ cái mưa dầm dề của miền Tây Bắc.

Có thật là tôi đã nhớ mưa hay chỉ nói qua loa? Chinh nhăn mặt lắc đầu:

– Em chắc không nhớ nổi. Đang chờ cơ hội để đi. Như...- Nàng ngáp ngừng - lấy chồng chẳng hạn... ít nhất lấy danh nghĩa theo chồng, mình có cơ bỏ gióp, bỏ phố núi cao nguyên này.

Nàng cười sau câu nói. Tôi cũng cười theo, không hiểu nàng đùa hay nói thật.

– Chinh có thể kiếm việc ở bất cứ thành phố nào mà, làm gì phải chờ lấy chồng mới đi?

– Nhưng đang có gióp an toàn, bỏ đến xứ lạ lại sợ, rồi cũng phải kiếm việc vậy?

– Có người để nghĩ tới chưa?

– Có rồi!

Tôi bất ngờ hỏi nhanh, mà Chinh trả lời cũng nhanh, rồi nàng quay đi hướng khác. Tôi nghe mình bỗng hụt hẫng, chợt bàng hoàng mất vui, nhưng sao tôi lại nghĩ Chinh chưa có ai. Ngày đó đám bạn của Yên Chi, của Phan và tôi khá đông, còn độc thân cả, Chinh lại dễ thương, thông minh. Những lúc sau này thỉnh thoảng gặp lại, tôi nhận thấy Chinh trầm lặng hẳn đi, nhưng ai mà chẳng phải lo nghĩ công ăn việc làm. Nên tôi chỉ xem đó như là một sự thay đổi thường tình. Chinh đã lớn, một ngày nào đó nàng cũng lấy chồng chứ, sao tôi lại cứ tưởng Chinh chưa thương ai.

Vờ tỉnh tôi gượng cười hỏi tiếp:

– Ai vậy? Anh biết được không?

Chinh lại bối rối thấy rõ, không trả lời ngay, hai tay vôn về mái tóc. Chỉ vài phút trước đó Chinh còn nói cười tự nhiên, và tôi đâu phải là người xa lạ. Tôi nghĩ thầm nếu nàng không thích nói thì tôi cũng chẳng nên tò mò chi thêm. Chinh nói như vừa đùa cho tôi nghe:

– Anh quen thân người đó mà!

Đám bạn bè khá đông, nói khơi khơi như thế thì làm sao tôi biết là ai được. Sau câu trả lời băng quơ, Chinh cuối xuống cầm cái muỗng khuấy khuấy ly đá chanh. Tôi ngồi yên nhìn theo động tác vô tình của Chinh và lúc đó mới nhận thấy Chinh có bàn tay khá xinh với những ngón thon dài, móng tay được cắt thật sát.

– Mà anh biết để làm gì?

– Không chừng ra đường không biết nhau, lại đánh nhau... Em không tin à?

Chinh cười cười, xong nàng lại cúi đầu nói nhỏ:

– Anh không phải lo xa...

Nàng còn đang ngáp ngừng thì anh bạn Tiến đến mời Chinh ra sàn nhảy.

Đêm hẳn đã khuya. Chúng tôi mãi nói chuyện, chẳng nhảy với nhau bản nào. Giờ thì tôi ngồi say mê ngắm bước chân Thùy Chinh dịu dàng, khoan thai trong nhịp điệu, và tiếc rằng đã không mời nàng nhảy.

Ban nhạc đang chơi bản Tiếng sáo Thiên Thai, điệu Tango. Chiếc đèn tròn nhiều màu lấp lánh trên cao xoay tròn, những làn khói nhân tạo tỏa mờ như sương mù trong đêm lạnh làm Eagle Ball huyền huyền ảo ảo. Chình trang sức đơn sơ, áo đầm trắng để hở cổ cao, làm Chình nổi bật trong đêm. Dáng nàng cao, đôi chân dài, thon. Tôi như ngất ngây say dù chẳng uống rượu.

– Sao ngồi một mình vậy?

Giật mình tôi quay lại. Thì ra là Yên Chi.

Mãi mê nhìn Chình và Tiến nhảy, đầu óc tôi đang đắm chìm trong suy nghĩ, tôi không hay Chi đến ngồi bên cạnh từ lúc nào. Chi nói như nhìn thấy rõ ý nghĩ trong đầu tôi:

– Anh có thấy là Thùy Chình đẹp nhất đêm nay không?

Rồi Chi nói tiếp, bắt ngờ:

– Đáng lẽ hai người phải nhảy cho vui, giao thừa mà, chị cười nói úp mở,... trông anh với Chình thật xứng đôi!

Tôi vội lên tiếng đính chánh:

– Chình có người rồi.

– Ô! tôi tưởng... anh đã biết. Ấy! xin lỗi anh.

Rồi Chi cười giòn. Cử chỉ của Chi làm tôi thối má; tôi định hỏi vì sao chị xin lỗi, nhưng chưa kịp thì Chình đã trở lại bàn và ngồi xuống bên cạnh:

– Đã lâu em không đến những chỗ như thế này nữa, thích yên tĩnh hơn.

Chi phụ họa:

– Anh Hùng không biết, Chình đã thay đổi tính tình, không thích đi nhảy, năm lần mười lượt mọi người năn ni dừ nó mới chịu đi, mà có đến cũng chỉ ngồi một đồng thôi.

Sao tôi thấy vui khi nghe điều này? Tôi ích kỷ, thật không muốn Thùy Chình nhảy với ai.

Chi nói tiếp:

– Hôm nay có anh, mới kéo được nó đi đó.

Thùy Chình lúng túng cắt nghĩa:

– Tại Tết nhất mà.

Tôi vẫn thích lời giải thích của Chi hơn, nó có vẻ riêng tư âm cúng, như là trên đời còn có người để ý đến mình, và vì mình. Lúc này tôi mới nhận ra một điều, tôi đã thương Chình từ lúc nào, có phải từ khi tôi mất Diêu Hương? Hình như bóng hình Thùy Chình len vào hồn tôi để lấp chỗ trống mà tôi không hay biết? Tôi có lần tự hỏi: Đi thương cô em của người bạn học? Nhưng đã nhiều năm biết Chình, sao tôi lại quá ngu ngơ để cho mất nàng?

Quá khư lại chợt về với tôi, như có lần tôi trêu chọc trác nghiệm Chình với mấy câu thơ bắt đầu từ những chữ N,H,Ó, C,H,I,N,H viết trên

trang giấy học trò, khi ấy lòng tôi vẫn còn ngổn ngang chuyện tình giữa tôi với Diệu Hương mà Chinh cũng có thể biết được:

*Nắng vàng từng sợi xanh xao*

*Hôn lên vuốt tóc má đào em xinh*

*Ở đâu còn nhớ tới mình*

*Cho anh giữ lấy chút tình mộng mơ*

*Hỏi rằng ai đã thân thờ*

*Iêu hình bóng cũ, nhớ bờ bến xưa*

*Nghe như điệu nhạc chiều mưa*

*Hành trang cuộc sống vẫn chưa quên nàng*

Chinh đọc xong có vẻ cảm động, Chinh hỏi:

– Anh có thực như vậy không? Để em giữ tờ giấy này làm bằng.

Chinh ngây ngô và sau này mới biết được cái ý "nhớ Chinh" của tôi, nàng đỏ mặt, bẽn lẽn mỗi khi gặp lại tôi.

Tôi nghĩ ngay đến Yên Chi. Tôi nhìn quanh tìm kiếm Chi và rồi thấy ngay Chi đang nói chuyện với một người bạn gái ở bàn cuối, gần cửa ra vào. Tôi đến vừa lúc cô bạn của Chi ra sàn nhảy, tôi ngồi xuống và nói có một việc cần đến chị giúp đỡ. Nhạc chơi ồn ào, nên tôi vội nói ngay, giọng hơi lớn:

– Tôi có chút chuyện muốn nói với chị?

Chi cười tủm tỉm để dài, rồi tôi vòng vo hỏi về đời sống của Chinh sau khi tôi đi New Jersey. Cuối cùng chị hiểu ý tôi, chị trách tôi ngay:

– Tôi tưởng là anh đã biết. Nhưng hỏi nãy lúc nói chuyện với anh xong, tôi mới biết: thì ra anh chỉ vô tình!... Người Chinh thương nhớ chờ đợi trong mấy năm nay chẳng ai khác hơn... là anh. Chưa thấy ai vô tình như anh!

Tim tôi đập thình thịch. Hình như Chi còn nói nhiều mà tôi chẳng nghe gì thêm. Nếu lúc này Chi có tới tập xỉ và và bảo tôi là thằng ngốc, hơn 30 tuổi vẫn còn ngốc, tôi vẫn cảm ơn chị rồi rít. Phải có người banh mắt, vạch tai, tôi mới biết sao chuyện tôi với Diệu Hương không thành, sao Thùy Chinh vẫn chưa lấy chồng, và sao xứ này mưa hoài mà tôi vẫn nhớ.

Tôi nhớ lời mẹ tôi bảo năm tới là năm tốt cho con lấy vợ, tưởng tượng có Chinh bên cạnh để chia sẻ đời sống cũng đủ làm cõi lòng tôi ấm áp, hạnh phúc dù đêm nay là đêm mừng Xuân, trời về khuya rất lạnh.

Tôi bước vội về hướng Thùy Chinh và biết rằng mình sẽ làm gì..., thì Chi gọi giật:

– Anh Hùng!

Tôi quay đầu lại, thấy Chi mỉm cười nói theo:

– Anh đừng để Chinh thất vọng!

– Tôi biết, tôi biết.

Thùy Chình đã đợi tôi nhiều năm nay rồi.

Khi tôi trở lại bàn thì ban nhạc đang bắt đầu chơi một bản slow. Thùy Chình đang ngồi một mình. Tôi đưa tay diu Chình ra sàn nhảy. Chình bối rối nhưng không từ chối. Không ai nói với ai lời nào, hồi lâu tôi cười, đùa nhẹ:

– Anh biết người... của em là ai rồi?

Tôi dọ dẫm, siết chặt Thùy Chình vào lòng mình, Chình không phản đối, không nói gì..., bây giờ tôi biết chắc Chi đã nói đúng. Trong một phút bất ngờ, tôi nâng cằm Chình lên, hôn nhẹ vào đôi môi mọng của nàng, rồi thì thầm:

– Anh sẽ không để em đợi nữa đâu!

Thùy Chình mê mẫn, ngoan hiền trong tay tôi, như vẫn chưa ra khỏi trạng thái thất mắc, hỏi:

– Sao anh biết?

– Bởi vì anh biết em đã chấp nhận cho anh *nhớ Chình* trong mấy câu thơ anh viết trên giấy học trò. Khờ thật, hôm nay anh mới khám phá ra điều đó!..

***Linh Vang***



## **Nỗi niềm**

*Cũng chỉ còn vài năm nữa thôi  
Mà sao lòng chẳng phút nào vui  
Mảnh tình rồi cũng như bèo bọt  
Chút nghĩa như sông cạn đất bồi*

*Ai bảo công cha tựa Thái sơn  
Chỉ là hạt cát sóng vùi chôn  
Ta ngồi quanh quẽ như con ốc  
Bám tảng rêu xanh biết sống còn*

*Đợi mãi mùa xuân đến tái tê  
Mà đông dài lạnh buốt ê chề  
Ta ngồi ôm mặt như còn bé  
Quà chợ tung tiu đón mẹ về*

*Hình như lòng vẫn đợi chờ ai  
Nào nuốt đầu đây tiếng thở dài  
Có bóng người vừa qua cửa sổ  
Hay sương chiều ướt lá lung lay*

*Dòng nước bạc trôi chẳng hẹn về  
Mà lòng thì vẫn đợi con về  
Thần thờ đếm mấy mùa rơi tuyết  
Trên ngọn sầu đông mọc trước hè*

*Tôi viết bài thơ ngỏ nỗi niềm  
Dìm sâu từ tận đáy cô miên  
Bao giờ trời đổ cơn mưa xuống  
Cho hết trong tôi những muộn phiền*

**lý thảo yên**

# Những chuyến đi

Linh Phương

Ngày đầu năm trong ký ức tôi chợt nhớ về những chuyến đi trình diễn văn nghệ Cây Mùa Xuân trước năm 1975 thời chánh phủ Việt Nam Cộng Hòa... Tôi thường đi đàn ùy lạo tinh thần các anh chiến sĩ nơi tiền đồn: qua các vùng chiến thuật xa xôi sỏi đá, trên những con tàu tuần duyên qua các sông rạch miền Tây hoặc đi thăm kể chuyện vui đàn hát an ủi các thương bệnh binh tại các quân y viện nơi các anh đang được điều trị. Lúc ấy, mỗi khi Xuân về tôi tự nguyện đi theo phái đoàn văn nghệ, lúc thì nhóm nhỏ, khi thì nhóm lớn; ban nhạc tôi chia nhau đi công tác và hoàn thành tốt đẹp.

Tôi nhớ lại có nhiều nghệ sĩ nổi tiếng thường đến trường nhạc của thân phụ tôi để dượt đàn như nhạc sĩ Phạm Mạnh Cường, giáo sư Hùng Lân dạy nhạc lý, giáo sư Phạm Gia Nhiêu dạy Violin, giáo sư Nguyễn Cầu dạy Piano, quái kiệt Trần Văn Trạch, và giáo sư Piano Jacqueline người Việt lai Pháp từ Paris về, luật sư Nguyễn Phước Đại, bác sĩ Duy Tâm, nhạc sĩ Nguyễn Hữu Thiết, tay trống Huỳnh Hương, Huỳnh Hiếu, thầy Paul Gầm nhạc trưởng nhà thờ Đức Bà cũng là tay trompette xuất sắc, chú Phát Saxo của Hải Quân, soạn giả cải lương Năm Châu, thi sĩ Đinh Hùng, thi sĩ Hồ Điệp, kịch sĩ La Thoại Tân, v.v. thường đến Trường Nhạc Cecilia do ba tôi làm giám đốc.

Cũng mỗi khi có công tác văn nghệ thì các nghệ sĩ nói trên thường đến gặp ba tôi để nhờ ông giúp kiếm nhạc công, thành lập ca đoàn, thành lập ban nhạc, mượn nhạc cụ hoặc mượn chỗ để tập dượt... Quanh năm suốt tháng trường Cecilia ngày đêm không ngưng tiếng nhạc, nhất là vào dịp lễ trọng thể năm 1963 có Đại Hội Thánh Mẫu ở nhà thờ Đức Bà - sau đại hội được đổi tên là Vương cung Thánh đường - tại thủ đô Saigon với một chương trình vĩ đại có hằng trăm Hồng Y, Giám Mục trên thế giới tụ về, chưa kể cả ngàn tu sĩ giáo dân cùng các ông lớn của chính phủ. Ca đoàn và ban nhạc trên ba trăm ca viên, một trăm nhạc sĩ tập dượt ba tháng ròng rã, trong số này có tôi vừa là “chú ký viên” vừa là nhạc sĩ nhóc cầm chầu, vừa đệm nhạc phụ vừa chạy việc linh tinh khi giờ trình diễn đến.

Thuở đó, tôi mới có mười hai mười ba tuổi thì đã được thân phụ cho kèm các em nhỏ học violin bước đầu hoặc piano, nói theo bên Mỹ bây giờ là *tutor*, để tôi luyện tập sự kiên nhẫn và khai phá sáng tạo sự phạm, nhất là em nào kém cỏi môn piano là ba giao cho tôi “kèm cặp” các em. Khi nào có các phóng viên nhà báo đến làm phóng sự chụp ảnh thì tôi là cô giáo cầm cây thước, mở to họng để hát và họ chụp ảnh đăng

trên báo; tôi nhìn thấy mà “ón” luôn. Đến nay, khi tôi nhìn tấm ảnh của gần nửa thế kỷ về trước làm mình “mắc cỡ” quá sức!

Nhà báo Chu Tử, thi sĩ Trần Dạ Từ và cây viết truyện phiếm với bút hiệu Tú Kêu của báo *Sóng* thường đến trường nhạc để luyện dương cầm. Các chú ngại học với giáo sư cùng tuổi, họ đề nghị với ba tôi để tôi dạy kèm piano. Ba chú nhà báo này đến trường nhạc Cécilia tập đàn, tìm âm nhạc cho đầu óc giảm bớt căng thẳng bên tòa soạn, còn tôi cứ áp dụng như giáo sư nhạc.

Khi các chú gõ phím đàn sai nhịp hoặc trật số ngón tay là tôi dùng thước kẻ đập vào tay. Chú Chu Tử la: “Đau chú, từ từ tao đàn đúng chứ mày bắt tao đàn được như mày phải có thì giờ chứ! Chú Tú Kêu kêu: “Con bé này “lấy le làm tàng hoài”, mày để chú tập chứ, từ từ nó cũng dzô “cái đầu già này!” Chú Dạ Từ thì tinh hơn: “Từ từ đã cháu, chú mày dốt phải cầm chừng chú chứ... hê ... hê...!”

Mỗi chú đều than với ba tôi là tôi dạy nghiêm, khó khăn quá nhưng các chú vẫn đến trường nhạc học và trả bài đàn đều đặn, nhất là chú Trần Dạ Từ chịu khó, chăm ngồi tập với máy đánh nhịp (*métronome*) gõ đều.

Nhớ lại hơn năm mươi năm trước, thời gian đó thật tuyệt vời! Thời chánh phủ Việt Nam Cộng Hòa, âm nhạc nghệ thuật như pháo nổ rực rỡ trên nền trời. Với tuổi trẻ sung mãn và nhiều nhiệt huyết; với cây đàn organ Fafisa dây buộc trên lưng, tôi hăng hái leo lên quân xa, lên trực thăng đến tiền đồn đàn hát cho các anh nghe. Biết bao kỷ niệm ăm ắp trong tim, ký ức thường trở về với tôi, nhất là những ngày đầu năm như hiện tại và tôi nâng niu như báu vật không có gì thay thế được!

### **Thương lắm các anh chiến sĩ**

Thật vậy, có đến bên cạnh các anh tôi mới hiểu được sự gian khổ, chịu đựng của các anh. Thời tiết lạnh bên ngoài thì phải có chút gì làm cho ấm áp, phải có thuốc lá hút hay trà cà phê mà uống. Nhưng khi quân nhân đứng gác mà hút thuốc thì cũng lo Cộng quân nhìn thấy rồi bắn tía hay nhắm tọa độ mà xạ kích. Có nhiều tiền đồn đóng quân quá xa, không dễ tiếp viện thức ăn nước uống hoặc thư từ thành phố; các anh sống chịu đựng với tinh thần can đảm cao ngất thật đáng nể phục và kính trọng. Các anh thường trải nỗi lòng mình sau những đêm văn nghệ ngồi bên giao thông hào với tâm sự nhớ gia đình, nhớ vợ con, người yêu cách trở, những gương mặt xạm đen vì gió núi, đất biển, đôi mắt thụt sâu càng từng đêm, nhưng tinh thần kiên trì chiến đấu không mỏi mệt.

Tôi nhớ mãi câu chuyện cho đến nay mà tôi vẫn dạt dào thương mến anh chiến sĩ, người đã lột chiếc nhẫn và dây chuyền vàng cho tôi khi biết được đêm qua Việt Cộng pháo kích và đạn pháo rớt nhằm trên sân



khẩu, những nhạc cụ mà trong số đó có cây đàn Fafisa đầu tiên của tôi bị hư hại. Chỉ trước đó ít phút, tôi vừa rời sân khấu chạy xuống phía dưới để tìm nước uống... Và tôi đã thoát chết trong tích tắc nhưng cây đàn thì không còn nữa!

Tôi nghĩ đến chuyện đi ủy lạo kế tiếp làm sao có đàn đây, tất phải quay về hậu cứ thôi. Tôi còn đang buồn khóc thì anh Đước bước đến an ủi tôi và nói :

- Không sao đâu em, vật đi thế thân. Em thoát chết, của đi thay người, về lại Sài Gòn em sắm cái khác nhé!

Tôi nghẹn ngào:

- Đâu phải dễ đâu anh, phải “còm-măng” tận bên Ý cả tháng đàn mới về, rồi làm sao em đàn trong những chuyến đi tới còn nhiều chương trình lắm! Làm sao đây?

Lúc ấy, anh Đước cởi sợi dây chuyền vàng và chiếc nhẫn dát vào tay tôi nói:

- Em cầm lấy chút này mà kiếm cây đàn khác đi, anh phụ giúp em để em có tiền mua đàn khác nhé!

Tôi ngạc nhiên và xúc động về tấm lòng của một chiến sĩ có tâm hồn thương nghệ sĩ và anh cũng thường nghe biết tôi trong các chuyến lưu diễn, mấy lần trước khi tôi đến trại của anh ủy lạo và đàn hát, anh đều đem nước uống lên cho ban nhạc.

Có lần tôi nói đùa:

- Sao chỉ có nước lạnh dzậy xếp? Bia đâu cho nhạc sĩ uống coi ? Uống nước đâu có sung đâu mà đàn...

Nghe xong anh lắc đầu cười xoà... Hình ảnh người anh chiến sĩ với nhiều thương cảm vẫn còn đọng lại trong lòng tôi đến giờ này không quên.

Có lần đoàn chúng tôi đi thăm quân y viện có các thương binh đang được điều trị. Chúng tôi ca hát, mang quà biếu tặng các anh, chúng tôi đi qua mỗi ghế bố có các anh nằm, có anh bị thương nơi đầu, có anh được băng bó nơi chân tay, có anh nằm thiếp đi không biết phải đoàn vào thăm viếng. Tôi đi sang buồng bên cạnh tìm xem còn có sót anh thương binh nào hay không? Tôi vừa bước vào chưa kịp lên tiếng chào thì có một thương binh nằm bất động, tôi không thấy cánh tay đâu, hai chân bị băng bột.

Anh gọi tôi :

- Chị ơi đến giúp tôi cái này. Cần lắm!

Tôi đến gần, anh ra dấu và nói: Chị lấy giùm tôi dưới ghế bố có cái lon.

Tôi cúi xuống lấy cái lon không rồi đưa:

- Đây anh!

Anh đưa mắt nhìn tôi vẻ mỉm cười. Anh nói:

- Xin chị giúp cho tôi... tiểu! Chị cầm giùm tôi cái chim cho tôi tiểu nha chị... Giúp tôi đi... tôi mắc quá!

Tôi hết hồn khi nghe anh nói thế... nhưng tôi lưỡng lự thăm nghĩ rằng mình cũng phải làm để giúp anh.

- Chị kéo quần xuống đi, nhờ chị cầm giùm mới tiểu được, không thì ướt quần hết không có quần khác để thay!

Ồi dào! Lần đầu trong đời tôi gặp tình thế này, nhưng thấy anh khẩn khoản quá. Tôi đành phải một tay cầm cái lon, tay kia kê cái chim anh bị đạn cắt đi một khúc. Tôi vừa để anh thông tiểu vừa hỏi cho đỡ thẹn:

- Vậy chớ gia đình anh có biết tin anh ở đây chưa? Có y tá giúp anh không ?

Anh lắc đầu không nói. Khi xong phận sự, tôi hỏi địa chỉ giúp anh để báo tin cho người nhà đến thăm, nhưng anh nói: “Không cần đâu!”

Sau này, tôi mới biết anh đã có người yêu nhưng anh từ chối không cho cô ta gặp mặt, và từ đó thỉnh thoảng tôi vẫn thắc mắc chuyện anh ấy ra sao? Thời gian có khép lại những nghiệt ngã để anh tiếp tục sống không? Hay như cơn gió vô tình đã mang anh đến chốn nào?

### **Những chuyến đi văn nghệ**

Rồi con thuyền sinh hoạt văn nghệ đưa tôi đến nhiều bờ bến, từ các đài phát thanh, đến các sân khấu lớn nhỏ, đến các trại Long Bình, Phan Rang, Phan Thiết, Vịnh Cam Ranh, Bãi Thị Nại Qui Nhơn Bình Định, Gò Găng, Phù Cát , Đức Phổ Quảng Ngãi rồi xuống miền Tây sông nước Long An, Mỹ Tho, Mỹ Luông đến Phụng Hiệp, Trà Vinh trên các sông ngòi, những nhánh sông, con kinh ngả Bảy của miền Hậu giang như mạng lưới nhện rộn rã tiếng ghe máy, tàu dò trên sông, qua vàm, qua phà... Ngày xa xưa ấy, mỗi lần chờ đợi sắp lên phà thì được nghỉ chân ăn bánh mì, bánh ít, nem chua, mía ghim hay trái cây địa phương mà khách khó lòng từ chối bởi lời rao của các em bán hàng túa đến mời chào.

Nhiều chuyến đi trong đời gây những khoảnh khắc khó quên hi nộ ái ố như quyển sách có nhiều chương chia từng phần: Sau khi chào đời như thế nào, thời đi học, thời dạy học, thời đi làm văn nghệ, sinh hoạt trong nhà thờ, những tháng năm trong ngục tù, dạy học ở hải ngoại, các shows nhạc đã thực hiện. v.v. tất cả tích tụ trong tôi như một show nhạc kịch ca cảnh, một bản trường ca nhiều chương tiêu biểu cho mỗi giai đoạn sống của mình gồm nhiều màu sắc âm thanh nhiều biến cường dynamic bất ngờ xảy đến không báo trước. Tôi ngụp lặn trong biển đời chơi voi sóng gào gió thét đến giờ này mái tóc không còn xanh, chỉ là một cô phụ ngồi bên ánh đèn lật lại những trang sách, tìm chút dư hương

ngày cũ tí tê với chính mình và chạnh lòng nhớ quê hương, nhớ về những ngày xưa lưu luyến với từng hình ảnh như khúc phim quay ngược thời gian hiện ra trước mắt mình...

Hình ảnh quay ngược về lúc tôi lên tàu đò chuyển bến từ Rạch Giá đi An Thới, Phú Quốc phải qua một đêm. Trên tàu có khoảng vài ba mươi người nếu tôi nhớ không lầm, phần đông là các quân nhân, những chị vợ lính ra đảo thăm chồng hoặc mua hàng. Tôi đi chuyến tàu này lúc gần Tết đề sáng ngày sau sẽ đến thăm trại tù có người bạn làm y sĩ, đồng thời tôi sẽ làm buổi trình diễn văn nghệ cho đồng bào.

Tàu đò đi trong đêm một lúc. Tôi nằm suy nghĩ sắp xếp chương trình cho buổi sinh hoạt văn nghệ sáng và chiều phục vụ đồng bào tại An Thới. Thình lình ở gần cuối khoang có tiếng xôn xao: “Làm sao đây? Bả sắp đẻ rồi... Không có bà mụ. Có ai biết đỡ đẻ không?”

Tiếng nói tiếng la dồn dập xen lẫn tiếng khóc rồi tiếng người chông: “Rán lên! Em rán lên!”

Tôi đến gần chị và đỡ dành: “Chị chờ chút xíu, tôi không biết có ai phụ đỡ chị không, tôi biết chút chút!”

Tôi nói với anh chồng: “Anh tìm nước nấu lên đi...”

Người chồng réo người tài công. Anh tài công nói: “Đây làm gì có củi lửa cha nội. Thôi! Chờ chút”.

Nói rồi anh ta lấy cái nồi múc nước nấu bằng lò dầu trong khi tôi ôm sản phụ từng hồi từng hồi chị quặn đau đẻ vừa thở hổn hển vừa la ông chồng đang ngồi chờ nước nóng.

- Tại anh đó! Cũng tại anh! Đã nói thôi rồi mà còn... Có con trai đủ rồi còn ham...

Anh chồng nói: “Thì kiếm thêm con gái cho nó đủ...”

Cả tàu đò cười ồ lên nhưng một lúc sau chị la lên vì cơn quặn thắt làm tôi quỳnh quáng... Dù tôi có học một chút về căn bản phụ đỡ đẻ ở vài nhà hộ sinh Sài Gòn hay theo chị bạn lúc thực tập khi các bà lâm bồn. Ví dụ như lúc khám thế nào để biết dạ con nở sâu bao nhiêu mới có đủ cho đứa bé chui ra hoặc cắt rún hay đỡ khéo đứa bé, nếu không biết cách khi đứa bé mới ra ngoài không khí trơn tuột có thể rớt như chơi vì còn dính bê bết máu, nước ối.

Nhưng lần này trên con tàu nhỏ bé thật sự không có ai phụ với tôi việc này, vì chị rên rĩ kêu la làm tôi bối rối. Tôi rửa tay trước khi khám sâu vào người chị. Tôi nói: “Rán lên hít sâu vào và rặn mạnh! Chị làm theo lời tôi mấy lần mà tôi vẫn không thấy đầu đứa bé. Tôi khám lần nữa mới biết nó mới ló cái chân. Như vậy nó nằm ngược đầu, làm sao đây? Tôi đâu có học thủ thuật cách xoay ngược đứa bé ra bằng đầu đầu, nhưng thấy bà ấy la quá chột nhớ có đọc chuyện Nữ hoàng Cleopatra lúc sinh con tư thế phải đứng khom lưng chứ không nằm như mình thường thấy biết mà vẫn sinh con được.

Tôi làm liều kêu người chồng kiểm gối hay vật gì kê lưng bà cao lên, chồng bà cầm chắc hai cánh tay vợ đang ghì để tôi thọc sâu bàn tay vào trong để xoay chân em bé đẩy từ trái vòng qua phải như kim đồng hồ thật nhanh để cho đầu em xoay xuống, miệng tôi không ngớt kêu chị lấy hơi sâu, đẩy mạnh và rặn hết sức để hai tay tôi kéo đầu em ra. Tôi hỏi anh chồng rửa dao và hơ lửa sẵn để cắt rún. Thế rồi bé gái ra khỏi bụng mẹ khóc oa oa làm tôi và mọi người trên tàu thờ phào nhẹ nhõm. Nhìn qua ánh đèn, tôi thấy cả cánh tay tôi đầy máu. Tôi nói với anh chồng: Khi tàu dò cập bến, anh phải đem chị và em bé lên bệnh viện liền để làm thuốc và hậu trị.

Tôi trải qua những giờ phút căng thẳng và mệt mỏi nhưng hạnh phúc và cảm thấy Thượng Đế cho tôi đôi bàn tay không phải để đàn mà còn cho tôi biết con người còn làm nên những điều kỳ diệu khác qua đôi tay sáng tạo yêu thương từ trái tim mình.

Biết bao nhiêu điều, bao nhiêu việc tôi muốn nói đến mỗi giai đoạn của đời tôi sau năm 1975 ở trong nhà tù với tội danh họ gán cho tôi là thành phần phản cách mạng, xúi giục quần chúng. Bây giờ đã mấy mươi năm, tờ giấy “Lệnh Tha” đã vàng ó còn nằm trên bàn nhà tôi tại Hoa Kỳ này lại làm tôi nhớ những chiến sĩ đã có lòng thương mến tôi nơi Chí Hòa, nơi trại giam đã tìm cách quăng các viên thuốc bổ, bọc muối xả, vãi tán đường, v.v. tiếp sức cho tôi qua cửa buồng hay mỗi khi tôi đi “làm việc” với tên chấp pháp hay trưởng khu.

Tôi bước đi không nổi vì đã bị chúng tra tấn tàn bạo. Tôi bước đi và té ngã nhiều lần, bước chân đi khắp khênh về xà lim biệt giam. Các anh cũng bị còng sản bắt vào nhà tù với cùng tội danh như tôi, nhưng tinh thần các anh vẫn kiên cường. Dù phải ở trong buồng giam tập thể, các anh vẫn sinh hoạt sáng tạo những việc rất đáng khâm phục. Các anh khích lệ tinh thần cho tôi nơi chốn khổ hình, tôi không biết mặt biết tên nhưng vẫn nhớ như việc xảy ra ngày hôm qua.

Mỗi khi tôi đi ngang buồng tập thể, các anh hát với ra câu nhạc “Mùa Đông Của Anh” do Trần Thiện Thanh viết mà đổi lời. Thay vì câu: “Xưa hôn em một lần rồi đau thương trọn kiếp” v.v... thì họ hát: “Xưa hôn Phương một lần, rồi anh ho lao gần chết. Em đi đi coi chừng đừng “bánh hời thịt quay” có ý nhắc tôi coi chừng họ hỏi cung và “quay” có nghĩa là đánh đập.

Ngày tôi bị chúng bắt chỉ có một bộ đồ trên người, hơn ba năm ngồi trong nhà tù còng sản, nếu các anh không giúp cây kim sợi chỉ hay nắp lon sữa bò lượm được khi tắm nắng để cắt quần dài thành quần ngắn, để phần cắt có được chiếc áo lá cho bớt lạnh, vì bộ đồ trên mình tôi chà lết trong tù vải đã mòn. Nghĩa cử cao đẹp của các anh tôi - không thể kể hết ra đây - đã cho tôi sống sót trở về đời. Tôi xin cúi đầu cảm tạ các anh nghìn lần và mãi mãi.

Những mùa Xuân đi qua trong đời là những vết hằn kỷ niệm không phai nhòa trong tôi. Bởi vì tôi đã được nếm nhiều hạnh phúc có nụ cười lẫn những mùi vị mật ngọt đắng cay chua xót và nước mắt. Tất cả tích tụ trong tim tôi làm thành những dòng nhạc sáng tạo đan thành những âm thanh từ đôi bàn tay Thượng Đế ban cho. Xin cảm ơn Ngài. Tạ tình người. Cảm ơn tất cả!

***Linh Phương***

### ***Thư Xuân gửi bạn***

*Xuân đến rồi đây bằng hữu ơi  
Chúc nhau hạnh phúc hưởng ơn trời  
Gia đình con cháu an vui hưởng  
Bằng hữu lân bang khắng khít vui  
Thành bại của đời thôi đã đủ?  
Nhục vinh cuộc sống chắc dân vui?  
Lâu lâu huynh đệ: “ly xum họp”  
Để thấy còn may mắn với đời.*

**Trần Ngân Tiêu**

### ***Tân niên khai bút***

*Tân xuân lại đã đến đây rồi  
Có bạn nhâm nhi mới thấy vui  
Mai cúc mong xuân về để nở  
Rượu nồng đợi khách đến cùng khui  
Xiết tay trao đổi vang lời chúc  
Rót rượu nâng ly rộn tiếng mời  
Cống hỉ phát xù dù sáo ngữ  
Vẫn là lời thật chẳng đùa chơi!*

**Trần Ngân Tiêu**

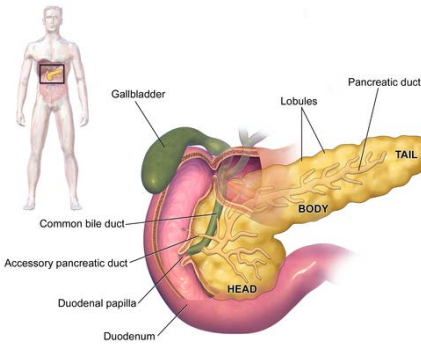
## CÁC BÀI KHÁC:

CÂU CHUYỆN CỦA THẦY LANG:

# *Điều trị bệnh tiểu đường: Ánh sáng đã le lối cuối đường hầm?*

**BS Nguyễn Lương Tuyên**

### Vài điều cần biết



**TỤY TẠNG:** có 2 nhiệm vụ:

- nội tiết: cho ra insuline và glucagon
- ngoại tiết: tiết ra amylase & lipase cho việc tiêu hóa

Bệnh tiểu đường (Diabète) đã và đang là một tai họa cho nhân loại. Theo Tổ Chức Y Tế Quốc Tế, năm 2013 có 382 triệu người bị bệnh tiểu đường. Phần lớn (90%) do tuyến tụy tạng không tiết ra đủ Insuline. Insuline là một kích thích tố quan trọng trong việc điều hòa lượng đường trong cơ thể.

Có 2 loại Diabètes

- Loại 1: khi tụy tạng không còn tiết ra insuline nữa. Người bệnh phải chích insuline. Bệnh hay xảy ra ở người trẻ tuổi
- Loại 2: khi tụy tạng không còn tiết ra đủ insuline nên người bị bệnh phải uống các loại thuốc kích thích tụy tạng tiết insuline. 90% bệnh nhân thuộc loại 2.

2013, trên toàn thế giới có 382 triệu người bị bệnh tiểu đường, tỷ lệ là 8,7%. Đến năm 2035, số người mắc bệnh trên thế giới sẽ lên đến 592 triệu người.. Tồn phí về bệnh này lên đến 548 tỷ Mỹ Kim cho năm

2013 ; riêng Hoa Kỳ chi phí về bệnh Diabète cho năm 2013 là 245 tỷ Mỹ Kim.

Tại Québec, số người bí Tiểu đường không ngớt tăng. Năm 2010, tỷ số người bị bệnh là 7,7% . Dân số Québec là 7 triệu người. Vậy số người mắc bệnh là trên dưới 1/2 triệu người. Người ta dự đoán là tới năm 2020, số người bị bệnh này sẽ lên tới con số hơn 800 ngàn người. Năm 2010, chi tiêu về bệnh này là 2,2 tỷ dollars. Tới năm 2020, chi tiêu về bệnh tiểu đường sẽ lên tới gần 3 tỷ dollars.

Insuline là một loại kích thích tố do tụy tạng tiết ra để điều hòa lượng đường trong máu. Insuline được 2 BS người Gia Nã Đại tìm ra . Đó là BS Frederic Banting và người sinh viên Y Khoaq , học trò của ông, Charles Best ở Đại Học Toronto. Phát minh này đã mang lại sự sống, mang lại hy vọng cho các người bệnh bị căn bệnh tiểu đường này.



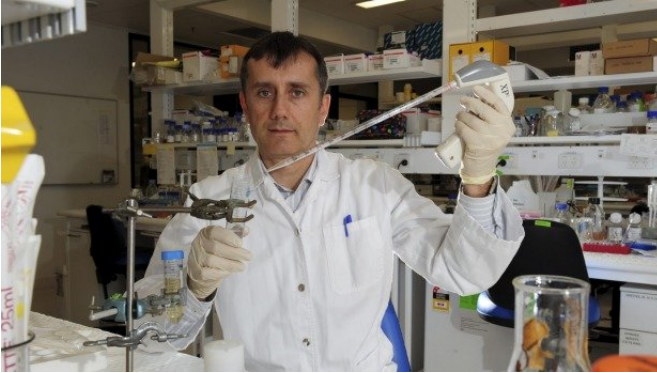
Best và Banting thử nghiệm về insuline trên chó.

Hiện nay chưa có thuốc trị tuyệt gốc bệnh tiểu đường. Các phương tiện thuốc men chỉ để ngừa các biến chứng , cân bằng lượng đường trong máu để giảm thiểu các biến chứng. Các biến chứng này là nguyên nhân gây ra tử vong hay gây ra các dị tật như:

- biến chứng về tim và mạch máu đưa đến đau tim vì nghẹt động mạch nuôi của tim hay nghẹt các mạch máu ở chân tay phải bị cưa chân cưa tay.
- biến chứng về mắt có thể đưa đến mù lòa.
- các biến chứng ở não bộ đưa đến tai biến mạch máu não.
- các biến chứng về thận có thể đưa đến suy thận. Hơn 30% những bệnh nhân cần lọc thận (hemodialyse) tại các trung tâm lọc thận là do bị bệnh tiểu đường.

Tại Canada nói chung, tại Québec nói riêng, Chính phủ đài thọ các phí tổn cho tất cả các bệnh nhân bị tiểu đường. Chính phủ trả tiền thuốc, tiền mua insulin, các dụng cụ thử máu để coi lượng đường trong máu. Các thử nghiệm được làm từ 4 đến 6 lần mỗi ngày.

Mới đây, ngày 11 tháng 12, các nhà nghiên cứu ở Úc Đại Lợi đứng đầu là BS Thomas Press của ĐH Quốc Gia Úc cho biết đã tìm ra tế bào gốc mới. Các tế bào này có thể được "programmées" để có thể trở thành bất kỳ một bộ phận nào của cơ thể. Điều này mở ra triển vọng có thể điều trị các bệnh dùng tế bào gốc.



Bác Sĩ Thomas Press

Kết quả khảo cứu đã được đăng trên Tạp Chí nổi tiếng *Nature*.

Từ 15 năm nay, GS Douglas Melton đã miệt mài trong phòng thí nghiệm của ông ở Harvard Stem Cell Institute thuộc Đại Học danh tiếng Harvard ở Boston (Hoa Kỳ) để tìm ra phương cách trị liệu bệnh Tiểu Đường loại 1. Một trong những độc lực chánh là ông muốn tìm ra phương cách để điều trị 2 người con của ông bị tiểu đường loại 1.





*GS D. Melton*

Trong một bài do ông đăng trên Tạp chí CELL, một tạp chí hàng đầu về khoa học, GS Melton đã trình bày phương pháp của ông trong việc từ tế bào nguyên thủy, ông biến đổi ra tế bào tiết ra insuline. Ông đã có thể cấy tế bào này ra hàng triệu tế bào như tế bào beta của tụy tạng nghĩa là các tế bào tiết ra insuline. Bệnh tiểu đường type 1 là loại bệnh miễn nhiễm (auto immun disease). Các phản ứng miễn nhiễm này đã làm cho các tế bào beta ngừng tiết ra insuline khiến người bệnh bị bệnh tiểu đường loại 1. GS Melton khẳng định, ghép các stem cell đã được chuyển biến thành tế bào beta sẽ khiến người bệnh tìm lại được khả năng tiết ra insuline để chữa khỏi bệnh này. Bệnh này là 1 đại họa cho nhân loại.

### **Tế bào nguyên thủy hay tế bào gốc (stem cell/cellule souche) là gì?**

Khi thụ thai, trứng và tinh trùng sẽ hợp thành 1 tế bào duy nhất. Tế bào này là điểm khởi đầu để 1 bào thai thành hình. Tế bào có nhiễm thể - chromosomes- (các genes hay di thể được thảo chương sẵn trong các nhiễm thể. Một nửa số nhiễm thể đến từ người cha, nửa kia do người mẹ. Khởi đi từ 1 tế bào duy nhất khi thụ tinh, tế bào này phân chia thành 2 tế bào, 2 phân chia thành 4 và tiếp tục phân chia trong khoảng gần 3 tháng đầu sau khi thụ tinh để tạo ra 3 nhóm riêng biệt, mỗi nhóm có nhiệm vụ riêng: endoderme, mesoderme và ectoderme. Các tế bào khởi thủy gọi là tế bào souch. Nhiều tế bào hợp thành mô để rồi tạo ra các cơ quan và sau cùng là thân thể con người. GS Melton khởi đi từ ý định biến stem cell thành các tế bào bình thường, trong đó biến ra các beta-cell của tụy tạng. Beta-cell là tế bào tụy tạng tiết ra insuline. Người bị

điabète loại 1 không có insuline vì các bêta-cell đã bị các phản ứng miễn nhiễm phá hủy. Ghép Bêta-cell , đã có được sau khi biến đổi từ stem cell, cho người bị bệnh là phương pháp sẽ mang lại cuộc sống bình thường cho người bị bệnh.

\* \* \*

Khảo cứu của GS Melton đã đem lại hy vọng cho những bệnh nhân bị diabète loại 1. Tuy vậy GS Melton dè dặt tuyên bố sự ứng dụng các kết quả khảo cứu của ông vào cơ thể con người cũng vẫn còn xa, tuy không quá xa. Chúng ta đã thấy ánh sáng le lói ở cuối đường hầm.

Kết quả của GS Melton đã kích thích các khảo cứu tìm tòi về bệnh tiểu đường trong y giới. GS Dieter , thuộc Columbia University ở NewYork , rất hoan hỷ với kết quả của công việc khảo cứu của GS Melton (*It's a wonderful result. Something we have been waiting for quite awhile*).

GS Egli tuyên bố sẽ lấy stem cell của người bị tiểu đường loại 1, dùng phương pháp của GS Melton để cấy các tế bào này trước khi ghép cho người bệnh. Các phản ứng thải hồi sẽ không xảy ra vì stem cell được lấy ra từ chính người bệnh.

GS Melton, với sự hợp tác của MIT (Massachusetts Institute of Technology), đang tìm tòi ra phương cách chặn đứng các phản ứng miễn nhiễm của người bị bệnh hầu bảo vệ các tế bào bêta sau khi được ghép.

Harvard Stem Cell Institute được thành lập từ năm 2004. Trong phòng thí nghiệm của GS Melton, 50 phụ tá của ông đang miệt mài làm việc cho công cuộc khảo cứu này.

Chủ tịch của Đại Học Harvard, Drew Faust tuyên bố: "*Kết quả của công việc khảo cứu này của GS Melton là điều mà 10 năm trước, không một người nào trong chúng tôi nghĩ đến.*"

**Nguyễn Lương Tuyên**

## **Cắt máu ăn thề**

non sông hề non sông Âu Lạc  
non sông hề nòi giống Rồng Tiên  
non sông hề hào khí như sóng  
non sông hề quyết chí mài gươm

ta quê nghèo hề dân nước Việt  
nơi đã sinh ra hề bao hào kiệt  
đất thiêng cần cố hề vẫn linh  
nung nấu hề bao ý chí hùng anh

hào khí nung sôi hề vì non sông tổ quốc  
ôm giấc mộng hề đập tan gông cùm và bạo tàn  
tổ quốc ta hề trong cường đạo  
dân tộc ta hề bao lệ, máu tuôn trào  
tổ quốc ơi hào khí hề ngất cao  
tổ quốc ơi tháng năm hề nuôi chí lớn  
mộng dành lại tự do hề mộng một đời  
dù thắng hay bại hề cắt máu ăn thề  
sá chi một thân xác cỏ cây  
sá chi lao tù, xá chi tra tấn  
sá chi viên đạn xuyên qua tim  
hào khí hề hiên ngang như nước sông Hồng  
chí làm trai hề cuộn cuộn nước Cửu Long

non sông hề chí lớn vương lên  
vương lên hề từ rừng núi thiêng  
từ đồng ruộng hoang  
từ đô thị, từ thôn làng  
từ bờ ao từ trùng dương  
từ Đồng Nai từ Trường Sơn  
toàn dân hề một chí  
phá gông xiềng hề dựng lại nhân quyền  
phá ngục tù hề dành lại tự do  
đánh ngoại xâm hề giết lũ Tàu nô  
non sông hề non sông hình chữ S  
Hoàng Trường Sa hề đất nước của dân ta  
cắt máu ăn thề ta dành lại non sông  
cắt máu ăn thề ta đứng lên  
cho non sông gấm vóc hề non sông dân Việt

vạn thu sau hê sáng chói năm châu  
triệu kỷ nguyên hê vẫn oai hùng con cháu  
Tiên Rồng hê một giòng máu  
Tiên Rồng hê nung nấu chí hôm nay  
anh và tôi và em thề sống chết  
cùng một lòng hê ta diệt bọn bán nước nguy dân  
cùng một lời thề ta diệt bọn Tàu ngoại xâm  
mang hòa bình cho non nước Việt Nam  
đem tự do cho con cháu Lạc Hồng

cắt máu ăn thề bảo tồn tổ quốc  
cắt máu ăn thề gìn giữ non sông  
cắt máu ăn thề hòa bình nước Việt  
cắt máu ăn thề Tự do muôn dân

**Khê Kinh Kha**



DIỄN ĐÀN:

## *Tâm thư của một người Canadien gốc Việt*

Trần Mộng Lâm

Bill S-219 do TNS Ngô Thanh Hải soạn thảo đã được Thượng Viện Canada thông qua, chỉ chờ Hạ Viện đem ra bàn cãi đã làm dư luận các người Canadiens gốc Việt chia làm 2 phe : Một ủng hộ, một phản đối. Rất nhiều bài viết đã được gửi vào hộp thư của tôi, không rõ vì mục đích gì, nhưng đa số các thư rác tôi nhận được có nội dung chụp mũ những người phản đối việc đặt tên cho ngày 30 tháng tư là *journey to freedom day* là ngoan cố, là cố tình chia rẽ, là làm lợi cho CS...v.v. Nhiều khi lời lẽ thô tục, hằn học, nhiều khi có ý khuyên bảo, là nên ký vào Thịnh Nguyễn Thư ủng hộ, để «nâng cấp» ngày 30 tháng tư lên cấp «quốc gia». Quốc Gia đây là Canada.

Là người Canadien, tôi cũng hiểu đây là một sự việc đã làm mất thì giờ, gây mực một cách vô ích, vì được chấp nhận hay không, vẫn chẳng có gì thay đổi trong cuộc sống bình thường của Canada, về kinh tế, về chính trị, hay về bất cứ bình diện nào. Tuy nhiên, vì có những bài viết có tính cách quốc văn giáo khoa thư như vậy, tôi cũng phải viết đôi hàng, là sợ dĩ có những ý kiến không đồng tình với Bill S-219 , chỉ vì những lý do sau:

Người Việt tỵ nạn như chúng tôi rất là «sensitive» với hai chữ «giải phóng». Trước đây, chúng tôi đã khổ với «Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam». Trong khi ở tù CS, chữ giải phóng được lập đi lập lại, như giải phóng nhân dân Miền Nam khỏi sự kềm kẹp áp bức của Mỹ-Ngụy, v.v. Trong dân chúng, người ta hát : Từ ngày Giải Phóng vô đây, ăn độn dài dài...chắc mọi người còn nhớ. Bời vậy, các chữ như *freedom day*, *liberation day*...làm chúng tôi e ngại. Việt Cộng gọi ngày 30 tháng tư là «Ngày Giải Phóng», nay người Việt tỵ nạn gọi một cách chính thức là «*Jouney To Freedom day*» thì chúng tôi có e ngại riêng là sao mà nó mại mại nhau. Chúng tôi không có ý ả ý gì mà chỉ nói lên những gì chúng tôi nghĩ, và không bắt ai phải nghĩ như chúng tôi. Xin đừng chụp mũ, cũng đừng cắt nghĩa cho tôi.

Bill S-219 có những lời giải thích của tác giả nó, là sợ dĩ không còn gọi là *Black April day* mà đổi ra như vậy là vì ông Thủ Tướng Harper của chúng tôi thấy chữ *black* quá «sensitive». Thừa ông Harper, nếu ông thấy chữ «*black*» nên tránh, thì chữ «*journey to Freedom*» cũng không nên dung để gọi ngày 30 tháng tư, vì gọi như vậy quá là mỉa

mai với mấy chục triệu người Việt Nam mất Tự Do kể từ hôm đó, 40 năm về trước. Ông nghĩ đến người khác, sao ông không nghĩ đến người như chúng tôi hiện sống tại Canada nhưng không có may mắn đến gần ông. Tuy nhiên, là Thủ Tướng Canada, tôi hiểu là ông còn có bổn phận trong và ngoài nước để bảo vệ quyền lợi Canada, nhưng cũng xin được bày tỏ lên đây ý kiến là sự gợi ý của ông trong việc thay đổi tên này rất là không đúng chỗ và đúng lúc, riêng tôi, thì rất bị thương tổn, vì vết thương 40 năm vẫn chưa lành. Tôi hiện nay tự do nhưng đồng bào tôi chưa có Tự Do!

Chúng tôi là dân một quốc gia tự do. Canada vẫn tôn trọng sự Tự Do Tư Tưởng, Tự Do Phát Biểu. Xin những người thấy Bill S-219 tốt, thì cứ ủng hộ, nhưng để cho những người khác được yên, đừng dậy dỗ chúng tôi phải làm gì, và tránh gì. Chúng tôi không có bài học nào để học từ quý vị.

Lá thư này không liên quan gì đến những hảo ý của TNS Ngô Thanh Hải, chỉ không đồng ý đến phương cách làm việc thôi.

***Trần Mộng Lâm***



## **M. 16**

*Ta với Em Mười Sáu thuở nào  
Chúng mình vừa gặp đã yêu nhau  
Trong cơn thác loạn trao thân phận  
Ôm xiết ghì em giữa chiến hào*

*Ánh hỏa châu soi rục chiến hào  
Kề vai áp má chôn binh đao  
Tuy không hò hẹn mà sinh tử  
Mà chẳng rời tay một phút nào*

*Đâu quân gian truân nguy hiểm nào  
Băng ngàn lũng thấp vượt đồi cao  
Bốn vùng chiến thuật mình khăng khít  
Mỏ vẹt, Khe xanh, đến Hạ Lào*

*Kỷ niệm không quên ở Hạ Lào  
Đêm vùng hỏa tuyến đẹp trăng sao  
Đưa nhau vào trận như vào mộng  
Ta tắm em trong suối máu đào*

*Từng biết bao phen nhuộm máu đào  
Tung hoành Bến Hải tới Cà Mau  
Diệt thù, quyết bảo toàn sông núi  
Gói đất nằm sưng trán địa đầu*

*Thép lửa bùng hoa tại tuyến đầu  
Ai ngờ một thoáng đã tàn mau  
Ta đi cúi mặt lìa sông núi  
Lê bước chân hoang khắp địa cầu*

*Duyên cũ không như ý sở cầu  
Nửa chừng dang dở bởi vì đâu  
Xưa nay Linh và Em mười sáu  
Tình vẫn mang mang vạn cổ sầu*

*Quốc phá Gia vong vạn cổ sầu  
Nhưng còn sông núi, vẫn còn nhau  
Chúng mình thơm lại hoa đầu súng  
Dành lại Quê Hương một thuở nào.*

**Trần Quốc Bảo**

# Xuyến

Miên Kim

Xuyến đậu chiếc xe gắn máy nơi góc đường như thường lệ. Hôm nay đã gần mười giờ sáng, nắng chói chan mà chưa có mối nào. Thường thường tới giờ này cô đã được ít nhất vài cuộc xe ôm. Mỗi cuộc như vậy kiếm được hai, ba chục ngàn.

Cô bắt đầu sốt ruột. Sốt ruột vì không có khách. Không có khách thì không có tiền. Không có tiền thì không đưa má đi lọc máu điều trị thận được. Nghĩ tới chuyện kiếm sống và bệnh hoạn của má, rồi tới số phận của mình, cô không khỏi ngán ngẩm, chán nản với tương lai mù mịt.

Má Xuyến bị suy thận mãn tính, mỗi tuần phải đi vô bệnh viện chạy thận nhân tạo ba lần. Mỗi lần như vậy rất tốn kém, còn phải cho cô y tá thêm vài ba chục ngàn để cô nhẹ tay với má, còn không cô ấy ngoáy cái kim thêm cho đau. Ba Xuyến trả hai phần ba chi phí chữa bệnh cho má, phần còn lại ba chị em cô chịu. Nói là phần của ba chị em chứ thật sự một mình cô phải lo hết. Con Lan đang đi học đại học, tối chạy bàn cho một quán ăn, ăn chiều tại chỗ, chỉ đủ lo cho phần của nó. Con Vân có chồng con, bữa no bữa đói. Cô chạy xe ôm nuôi cơm cho má, đưa con gái của mình cộng với phần ăn trưa của con Lan.

Nghề chạy xe ôm cá thể mới đầu còn khá, sau càng lúc càng khó khăn, nhưng từ khi công ty xe ôm xuất hiện, tổ chức qui mô, có gắn máy tính tiền, máy định vị GPS và giá rẻ hơn không cần phải mặc cả, Xuyến thấy khách vơi đi nhiều lắm. Cô phải chạy ngược xuôi vay tiền đưa má đi lọc máu. Vay mà không trả riết không ai cho vay nữa. Cô muốn đổi nghề nhưng chưa biết phải làm gì. Đêm khuya trăn trở, cô suy nghĩ, phân tích lung lăm về lời của Thu, bạn cùng xóm, nhiều lần khuyên cô đổi qua nghề đấm bóp. Thu cắt nghĩa nghề đó có hai loại: một là đấm bóp chuyên nghiệp; hai là đấm bóp hương phấn... Mặc dù Thu khẳng định công việc của mình là đấm bóp chuyên nghiệp. Thành kiến về hai chữ “đấm bóp” đã làm cho Xuyến chạnh lòng vì trong xã hội ngày nay lằng rành giữa hai từ chuyên nghiệp và hương phấn mập mờ lắm.

Ngày xưa gia đình Xuyến ở Vĩnh Long, ba má cô đi làm mướn, ai kêu gì làm đó. Đời sống quá khổ nên ông bà bán hết tài sản mọn, gởi ba cô con gái ở tạm nhà bà con, lần mò lên Sài Gòn kiếm sống. Ba đi khuân vác ở bến xe đò. Má mua trái cây gánh ra chợ bán. Khi đã tạm ổn hai ông bà đưa các con lên sống chung.



Xuyến theo má bán trái cây, bữa nắng thì lời, trời mưa thì hay lỗ, trách nhiệm đè nặng trên vai ngày ngày làm nhan sắc của cô kém đi. Nhiều thiếu nữ từ quê lên làm nghề buôn hương bán phấn, chụp giựt đồng tiền không kể tới lòng tự trọng, đạo đức, hoặc xã hội lên án. Còn cô, ba má cô đã nhiều lần nhắc nhở, giấy rách phải giữ lấy lề, mang thúng bán bung nhưng còn nhân phẩm.

Lên Sài Gòn không lâu thì Xuyến lập gia đình. Anh cũng làm lao động. Lấy chồng năm mười chín tuổi. Cô không nhớ lấy vì yêu hay vì muốn chạy trốn cái khổ cực ngày ngày gồng lưng gánh hai thúng trái cây nặng trĩu, ngồi lê giữa chợ mời khách. Đứa con gái được sinh ra gần một năm sau đó.

Đời sống gia đình Xuyến có phần đỡ hơn hồi còn ở nhà với ba má. May mắn có người chỉ vẽ, cô đổi sang nghề chạy xe ôm. Nhờ bộ óc trời cho, ngõ hẻm gần xa đi qua một lần cô đều nhớ nên chạy xe ôm không khó lắm. Sau khi trừ chi phí xăng nhớt... số tiền cô đem về gấp đôi tiền buôn thúng bán bung trái cây.

Xuyến chạy xe ôm khá hơn đi bán rong nhưng vì phải giúp má chữa bệnh nên tài chánh trong nhà thiếu hụt. Vợ chồng cãi nhau. Anh bắt đầu lê lét ở quán nhậu, về nhà say mèm, chửi bới, đánh vợ. Chuyện sinh tử của má gần như nằm hết trong tay cô. Má cô không thể nào sống được nếu không có tiền chạy thận nhân tạo. Cô biết tình hình vợ chồng không cứu vãn được nên quyết định ly hôn, thẩm thoát đã ba năm từ ngày cô đem con về ở với má.

Tưởng như sẽ kéo dài đời sống tạm ổn thì má Xuyến bị suy thận càng ngày càng nặng, buộc phải lọc máu. Sức khoẻ yếu, bà không làm gì được mà còn cần nhiều tiền để điều trị. Ba cô phải buôn bán thêm để bù lấp sự thiếu hụt. Ông đi làm nhiều giờ, sáng đi sớm, tối về trễ, rồi dần dần không về nữa. Xuyến khám phá ba có vợ bé. Cô rất buồn nhưng chấp nhận sự thật không thể nào thay đổi mặc dù vợ bé của ba nhỏ tuổi hơn cô.

Hằng tuần ba Xuyến vẫn đều đều đưa hai phần ba tiền chi phí lọc máu của má. Phần chi phí còn lại ông xin lỗi vì phải giữ để xây tổ ấm mới. Ông còn xin lỗi không tiếp tục sống với má vì má không còn đủ sức làm tròn nhiệm vụ làm vợ. Câu thề thốt trong ngày cưới sống cho đến răng long đầu bạc không có nghĩa lý gì khi ông đứng trước thử thách và cám dỗ. Xuyến băng lòng với lời xin lỗi của ba. Cô cần tiền để đưa má đi bệnh viện.

Xuyến chạy xe ôm từ bảy giờ sáng cho đến chiều tối. Trách nhiệm săn sóc cho má cô đổ lên đầu đứa con gái mười hai tuổi. Đi học về, nó lo cho bà ngoại ăn uống, nấu cơm cho cả nhà, giặt giũ, dọn dẹp... tối đến mới lôi bài vở ra học...

Cô nhìn đồng hồ, đã quá trưa, không thể nào kiếm đủ tiền đưa má đi lọc máu chiều nay. Ngồi trầm tư trên chiếc xe gắn máy, Xuyên suy nghĩ về đạo lý ba má đã dạy, cô thấy mĩa mai thay. Ba cô đã phản luân lý, bỏ má cô trong lúc bịnh hoạn để chạy theo người đàn bà khác cho dù ông cố gắng tự bào chữa và viện cố vẫn lo cho má bằng số tiền chữa bịnh hằng tuần hoặc má không còn làm tròn trách nhiệm làm vợ...

Xuyên buồn khi nghĩ đến Thu. Cô không muốn nghỉ ngơi nghề nghiệp của bạn mình, nhưng có một cái gì đó khiến cô không an lòng, có lẽ Thu tiêu xài, ăn diện hơi quá so với những người làm cùng nghề chẳng? Ai người ta trong xã hội nghe nói tới phụ nữ làm nghề đấm bóp mà không nghĩ xiên nghĩ xẹo. Theo làm nghề như Thu, Xuyên không biết sẽ giữ mình như cánh sen, gầy bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn được bao lâu, hay thỉnh thoảng gặp một ông khách say sưa, tấn công táo tợn,.. một lần, hai ba lần rồi thì biết đâu cô sẽ thấy mọi chuyện cũng ... bình thường, xảy ra như cơm bữa!

Cô càng buồn hơn khi nghĩ tới đứa con gái của mình không có tuổi thơ, nghĩ má phải quần quai, đau đớn mỗi khi đi bệnh viện trê đê chạy thận nhân tạo vì thiếu tiền, rồi nghĩ tới cô y tá ngoáy cây kim cho má đau hơn vì không được dứt lốt càng làm cho cô xót xa thêm.

Giấy rách giữ lấy lề, còn vấn đề sinh tử, đau đớn của má cô thì sao? Ôn nghĩa sinh thành dưỡng dục của mẹ thì sao? Và con gái của cô nữa. Nó phải dành nhiều thì giờ phụ lo cho bà ngoại. Tuổi thơ của nó qua nhanh, cô muốn nó có một đời sống bình thường, hồn nhiên ... Xuyên biết mình cần phải làm ra tiền!

Cô cầm điện thoại lên, bỏ xuống, ngần ngừ, cuối cùng cô bấm số của Thu.

Xuyên nhắm mắt, cổ nuốt hai giòng lệ. Cổ họng khô ráo, cô cố gắng tự nhiên nhưng nghe giọng mình nghèn nghẹn, đứt quãng:

-Thu hả... Xuyên đây! Việc đấm bóp... Thu nói hôm nọ...

*Miên Kim*

## ***Tôi muốn tựa bờ vai***

*Bạn tôi gần tám mươi, ông vẫn còn tại thế nhưng gác bỏ chuyện đời; bảo: “Để cho lòng nhẹ”.*

*Bạn tôi con chim sẻ, sáng hót chuyền trong cây, cây ổi sang cây khế, hót đã rồi...đã bay!*

*Bạn tôi là áng mây tôi vẽ đầy sách cũ. Tôi thổi, mây không bay, thôi – chúng ta cùng ở...*

*...với từng ngày nhưng nhớ! Ôi mây trong bàn tay! Ôi người xa một thuở! Con trăng khuyết lại đây!*

*Chuyện tôi nói hôm nay, bắt đầu một người bạn. Đừng hỏi bạn là ai...tại sao là tuổi tác?*

*Có ai từ trận mạc mà về rất bỗng dưng? Bạn tôi, mái tóc bạc, chừ là mây trên rừng...*

*Bạn tôi, cây rung rung, con chim sẻ đang nhảy, Quê Hương xa vô cùng, bỗng nhớ chùm hoa khế...*

*Trời ơi hình bóng Mẹ áo bà ba gió lay, truyện cổ tích Mẹ kể ru con giấc ngủ ngày...*

*Hình như...tôi loay hoay trong niềm thương nỗi nhớ? Hình như có thoáng ai mơ hồ nơi cổ độ?*

*Bạn tôi nói nhỏ nhỏ: “Mây ơi quên đời đi!”. Rồi ông lật cuốn vở, đọc bài Kinh Từ Bi...*

*Bên kia sông mây bay. Bạch vân thiên tải đó...Tôi muốn tựa bờ vai, hỏi ai người thiên cổ?*

**Trần Văn Lệ**



Y KIẾN:

## *Last Days in Vietnam*

Hoàng Cơ Định

Đây là một cuốn phim tôi đã xem hai lần, khen hay và dự trù sẽ có một bài nhận định ngắn nói rõ hay ở những điểm nào. Nhưng trước khi tôi thực hiện ý định thì nhận được bài bình luận của một cây viết gạo cội, đó là nhà văn Giao Chi. Ông chê cuốn phim một cách tàn mạt, gọi đó là “Một phim chết tiệt” và còn chuyển dịch tựa đề “Last Days in ViệtNam” thành “Sự Phản Bội Cuối Cùng”.

Thông thường, một cuốn phim được người này khen, người khác chê cũng chẳng có gì lạ, nhưng khi người có cái nhìn hoàn toàn đối nghịch với mình lại là nhà văn Giao Chi, là một cựu sĩ quan cấp Tá của quân lực VNCH và cũng là một trong số những nhân vật lãnh đạo cộng đồng người Việt tỵ nạn CS từ nhiều năm qua, quan điểm của ông xem ra không chỉ là ý kiến cá nhân mà phản ánh lối nhìn của một số người khác trong cộng đồng người Việt hải ngoại. Tôi thấy bài viết dự trù không nên chỉ giới hạn vào cuốn phim mà cần có phần đối thoại với quan điểm mà Giao Chi đại diện, mong vấn đề được nhận định rộng rãi và khách quan hơn.

Mở đầu bài viết của ông, Giao Chi cho rằng: *“Thông điệp chính của cuốn phim là gì? Trình bày sự hoảng loạn của quân dân VNCH và sự bình tĩnh tận tâm của Mỹ cứu vớt người Việt Nam vào ngày cuối cùng. Hoa Kỳ muốn nói rằng họ đã nỗ lực, nhưng rất ân hận là vào giờ chót phải bỏ rơi vào khoảng... 400 người.”*

Cá nhân tôi và chắc còn nhiều bạn đã coi phim không đồng ý với cảm nghĩ này. Vào thời điểm cuối tháng 4/75, sự hoảng loạn của quân dân VNCH là điều dĩ nhiên, nếu cuốn phim không có những hình ảnh này thì là điều vô lý. Nhưng bảo là người làm phim muốn phô diễn sự bình tĩnh của Hoa Kỳ bên cạnh tình trạng hoảng loạn này thì không đúng. Rõ ràng phim cũng nêu ra tình trạng luống cuống của phía Hoa Kỳ. Chính cái nhìn sai lạc khởi đầu này đã làm cho Giao Chi, và những ai cùng chung tâm trạng với ông, không còn khách quan trong các nhận định kế tiếp.

Những ai đã trải qua những ngày cuối tháng 4/1975 tại Miền Nam VN, không riêng gì Giao Chi, đều không khỏi xót xa trước cảnh mất nước và tuyệt vọng của đồng bào, và của chính mình. Trong cương

vị một sĩ quan cao cấp, một nhà trí thức trong xã hội Miền Nam VN thời đó, nổi đầu đóm của GC tất nhiên sâu đậm hơn những đồng bào không ở vị trí quan trọng như ông trong guồng máy quân đội và chính quyền của VNCH. Vào lúc đó, người VN có chút hiểu biết đều không tránh khỏi căm hận đối với Hoa Kỳ. Làm sao không căm hận khi những người bạn đồng minh từng cùng sống chết với mình trong cuộc chiến chống cộng trước đó không lâu, nay thân nhiên chấm dứt mọi hỗ trợ sinh tử cho cuộc tranh đấu tự vệ của VNCH.

Ở một đoạn khác, Giao Chỉ cũng vẫn có cái nhìn thiên lệch và nhiều cảm tính, đã viết: “*Phim đã chẳng ra làm sao, tài tử bình luận chính lại là Kissinger đóng vai nhà chính khách nhân đạo, thương yêu Việt Nam hết sức. Ông muốn cứu thêm mà ngoài khả năng.*”

Cá nhân tôi, và chắc hẳn nhiều khán giả khác, đã không để ý tới đoạn xuất hiện của Kissinger. Vai trò của Kissinger rất mờ nhạt trong cuốn phim này, người coi quan tâm và nhớ tới nhiều nhân vật khác hơn là Kissinger. Nhưng Giao Chỉ, và nhiều bạn lớn tuổi của tôi, thì không “thương” được Kissinger, và đầu xuất hiện ít cũng là ... quá nhiều.

Khi phim *Last Days in Vietnam* được phổ biến tại quốc nội, qua thông tin tôi nhận được, thì nhiều đồng bào lớn tuổi sống tại Miền Nam đã có ít nhiều hiểu biết trước 30/4/1975 đều coi phim với tình cảm ray rứt... Coi mà rơi nước mắt, có người không dám coi hết cuốn phim...

Đối với đồng bào sống tại Miền Bắc và những ai sinh ra sau 1975, tôi chưa biết được cảm nghĩ của họ ra sao. Còn với đồng bào hải ngoại, trong số lớn tuổi, nhiều người cũng có cái nhìn và phản ứng rất giống nhà văn Giao Chỉ. Điều này có thể thông cảm nhưng không thể chấp nhận. Tôi thấy việc chê bai phim *Last Days in Vietnam* theo cách của Giao Chỉ là một việc làm không công bằng và không đúng.

Bà Rory Kennedy đã thực hiện cuốn phim trong mục đích của Bà. Đây là cuốn phim diễn lại những ngày cuối của những người Mỹ và trên 100 ngàn người dân Việt Miền Nam khi họ tìm cách thoát khỏi VN trước làn sóng xâm lăng của CS Bắc Việt.

Các hình ảnh về sự sụp đổ của VNCH là những dữ kiện lịch sử đau lòng đã được trình bày trên báo chí suốt trong mấy chục năm qua, người làm phim không có ý xấu ngụ ý tạo hay bôi đen phía người Việt chống cộng. Các dữ kiện trình bày trong phim thể hiện nguyên tắc quân bình của truyền thông Hoa Kỳ: Người Mỹ đã vượt nhiều khó khăn, giúp di tản được một số đông người Việt đi tỵ nạn nhưng đã bỏ rơi hơn 420 người ở lại Toà Đại sứ. Họ đã giữ được lời hứa với một số người những đã phải nói dối một số người khác. Phim có bên vực phía người Mỹ nhưng không bên một cách lộ liễu. Nay nếu chỉ nhìn vào con số 420 người bị bỏ rơi, rồi còn quảng diễn thêm thì chỉ là thể hiện thái độ giận hờn thuần tình cảm. Chỉ nên trách nhà làm phim nếu có những hình ảnh

nguy tạo hay sai lạc, không nên trách sao không có cảnh này hay chi tiết kia vì đó chỉ là ý kiến chủ quan của người coi, không có cùng mục đích và sự hiểu biết như người thực hiện phim.

Cuốn phim *Last Days in Vietnam* có trọng điểm là nói lên nỗ lực của Hoa Kỳ để di tản tối đa số người VN đang tìm mọi cách để thoát khỏi vòng vây ngày càng thắt chặt của quân đội CS Bắc Việt. Sự việc trong số cả ngàn người Việt đã tràn vào Tòa Đại Sứ Mỹ có 420 người bị bỏ rơi lại là một sự thật ghê tởm nhưng chắc chắn chẳng thể tránh được. Trong khi đó, sự kiện có hàng trăm chuyến trực thăng di chuyển người trong những điều kiện ngặt nghèo mà không một tai nạn nào xảy ra cũng là một thành quả kỹ thuật đáng khâm phục. Rồi đoàn tàu di tản gần một trăm chiếc với khối người đông như kiến đã vượt biển đến được Phi Luật Tân rồi được chuyển nhanh chóng tới các trung tâm tạm cư cũng phải nhờ sự nỗ lực của nhiều người có khả năng và thiện chí.

Trong khung cảnh cả VNCH và Hoa Kỳ đều thất trận vào tháng 4/1975, đắng cay và oán hận lẫn nhau là phản ứng tự nhiên, nhưng tiếp tục trách cứ nhiều thập niên sau đó, nhất là với thành phần đã được định cư tại Hoa Kỳ, thì không công bằng và vô ích. Nay, khi có người làm phim tìm cách soi rọi vài điểm son trong hoàn cảnh cuộc thất bại chung đó thì là việc làm tốt, chẳng nên lên án.

Trở lại với mục tiêu chính của bài viết này là nhận định về cuốn phim và nhân đó nhìn qua bối cảnh lịch sử của VN, Hoa Kỳ và Thế giới vào năm 1975. Cuốn phim là một biệt lệ trong số những tài liệu lên án Mỹ trong những thập niên qua. Về phía người Việt, nếu chỉ nhìn đơn thuần là “phản bội đồng minh” thì là đã phủ nhận nhu cầu chính trị mà Hoa Kỳ cần có vào thời điểm bấy giờ. Không thể nào đòi hỏi hay chờ đợi chính quyền Mỹ phải đặt quyền lợi của đồng minh VNCH lên trước quyền lợi hay nhu cầu của chính Hoa Kỳ.

Vào đầu thập niên 70, đối diện với áp lực quân sự của Liên Xô, phong trào phản chiến do khối Cộng chủ động và tình hình ở Trung Đông, tách rời thể đồng minh của Liên Xô và Trung Cộng là nhu cầu chiến lược của Mỹ lúc bấy giờ, việc tìm cách “bắt tay” với Trung cộng rõ ràng là lợi ích to lớn về phía Mỹ, chưa kể là chuyện tách rời thể liên kết Nga Xô – Trung cộng cũng đồng thời làm giảm đi sự hậu thuẫn của TC đối với VC. Cho nên Hiệp định Paris nhằm chấm dứt chiến tranh và triệt thoái quân đội Mỹ khỏi VN là một thành công ngoại giao to lớn của Mỹ, cho phép Mỹ thoát khỏi thế bế tắc tại VN. Bảo rằng Hiệp định Paris là văn kiện thất trận của Mỹ (chính quyền Nixon) và VNCH e rằng không chính xác. VNCH và Mỹ chỉ thật sự thất bại vì tình hình chính trị nội bộ của Mỹ với biến cố Watergate, vị trí toàn cầu của nước Mỹ không còn như cũ khi TT Nixon thoái vị, thay thế bởi nước Mỹ với TT Ford. Khi Nixon bị truất phế thì hậu thuẫn to lớn của VNCH không còn nữa và hiển

nhiên là cuộc tấn công của CS BV là hậu quả tất nhiên của Watergate.

Dư luận về phía cựu chính giới VNCH đặc biệt lên án ngoại trưởng Hoa Kỳ Henry Kissinger, thậm chí còn cho rằng phim Last Days in VN là một cố gắng bào chữa cho Kissinger xem ra không thuyết phục. Có thể nói trong hoàn cảnh thế giới vào đầu 1970, bất cứ người phụ trách ngoại giao nào của Hoa Kỳ cũng có chọn lựa không khác Kissinger là bao.

Xin gửi bạn đọc một Youtube về tình hình Việt Nam vào năm 1973 và nguyên nhân dẫn tới thất bại năm 1975.

[https://www.youtube.com/watch?feature=player\\_embedded&v=7hqYGHZCJwk](https://www.youtube.com/watch?feature=player_embedded&v=7hqYGHZCJwk)

Sau cùng, nhìn vào nhu cầu chính trị của năm 2015, thì một cuốn phim nói lên khía cạnh tốt của người Mỹ trong tương quan Mỹ Việt sẽ có lợi cho “phía chúng ta” hơn. Cảm tình của quần chúng Việt Nam đối với Mỹ là yếu tố khiến Việt Nam, dầu còn là dước chế độ Việt Cộng, bớt bị cuốn hút vào vòng chi phối bởi Trung Cộng. Một chế độ Cộng Sản VN gần với Mỹ sẽ dễ được chuyên hóa hơn là nếu chế độ đó bám chặt lấy quan thầy Trung Cộng. Những thái độ “hận Mỹ” và chống đối “hợp tác giữa Mỹ và CSVN” chỉ là để giải toả những ẩn ức trong quá khứ và có tác dụng tiêu cực trong hiện tại.

Tóm lại phim “Last Days in Vietnam” là một phim tài liệu tương đối khách quan và đầy đủ mô tả tình trạng bi đát của những ngày cuối cùng trước khi Sài Gòn thất thủ bởi cuộc tấn công của quân CS Bắc Việt. Phim không mô tả tình trạng của chế độ VNCH vào những ngày này mà nhắm tường thuật vụ đào thoát của hàng trăm ngàn người Việt tìm cách bỏ nước ra đi trước khi Việt cộng tràn tới.

Giới trẻ VN ở trong và ngoài nước nên coi phim này để biết giá trị của Tự Do và trang sử đau thương của VN vào tháng 4 năm 1975.

**Hoàng Cơ Định**

## **Tiễn biệt**

*“Ga Lyon đèn vàng  
cầm tay em muốn khóc  
nói chi cũng muộn màng...”  
(trích trong bản nhạc “Tiễn Em”)*

*Từ em rời bỏ Paris  
Giòng Seine có thầm thì gọi tên  
Ngọn đèn mờ ảo ga đêm  
Nụ hôn em đã để quên bên trời*

*Nhớ ai môi ấm bờ môi  
Vòng tay có níu tình rồi vẫn xa  
Bóng anh chìm khuất sân ga  
Một lần để lại cho ta chút buồn...*

**Ngô Bích Lan**

GOOD-BYE

*“In the Lyon Station’s yellow light  
I held my tears to hold your hands tight  
Whatever I said were now too late...”  
(from the musical piece “Seeing You Off”)*

*Since I left Paris City  
Has the Seine whispered my name?  
The night station’s lights were misty, bitty;  
And my kiss I left beyond the endgame.  
How I miss you, lips warming lips;  
Arms clung tight, but love then got lost!  
Your image on the platform in eclipse  
That once left my heart sorrow-mossed...*

**Translation by Thanh Thanh**



# Việt Sử Hùng Ca

Phạm Khắc Trung

Lúc có kết quả đậu Tú Tài 2 xong lại cô đơn đâm buồn, bởi cô bỏ và đám bạn thân của tôi rớt khóa 1, phải lo gạo bài để thi khóa 2, một mình lang thang không biết đi đâu mới mò vô tiệm sách tìm mua sách đọc qua ngày. Không biết ma đưa lối, quỷ dẫn đường thế nào mà tôi ôm về quyển Kinh Dịch của Ngô Tất Tố và quyển Thiên Luận của Suzuki do Tuệ Sỹ dịch. Quyển Thiên Luận tôi rần đọc được ít trang, khi học năm thứ 2 còn có dịp tung ra lòe thiên hạ được, chứ quyển Kinh Dịch thì phát kinh hồn vía.

Năm 1980 đi định cư ở Canada, mấy tháng sau bắt gặp danh mục sách do Đại Nam tái bản, tôi mừng quá mua vội quyển Kinh Dịch của Ngô Tất Tố về giấu trong học tủ để dành, sợ sau này không có, chứ lúc đó có rần đọc cũng không đủ sức lật nổi qua trang sau.

Đến năm 1992, khi đó thằng con trai tôi 6 tuổi, thông thường mỗi tối tôi ngồi đọc truyện cổ tích Việt Nam cho con nghe. Tối đó tôi đọc truyện An Dương Vương với Cổ Loa Thành, thằng con hứng thế nào lại đem hình Trống Đồng tôi treo ra hỏi. Thế là tôi hăng tiết vịt, ra kệ sách lấy quyển Sử Điệp Trống Đồng của Kim Định tìm hình chỉ và giải thích cho con nghe. Đầu đó xong xuôi, thằng con lên giường ngủ ngon lành, không biết có “mơ làm người hùng Quang Trung” không thì không rõ, nhưng thằng cha thì trần trọc không sao ngủ được. Tôi bị ám ảnh bởi hình cái Trống Đồng, sao nhìn như cái giếng? Rồi tôi liền tưởng đến lời thầy Nguyễn Bát Tuần dạy Hình Học lớp 11 khi xưa là, “Kỵ mã phối cạnh! Vừa phi ngựa vừa vẽ hình!” Đó là lý do khiến tôi nghĩ rằng những hoa văn khắc trên Trống Đồng là “ám ký” nên quyết tâm tìm hiểu.

Khổ nỗi, sách tiếng Việt nói về Trống Đồng không nhiều, tìm mãi mắt cũng không thấy trên danh mục sách, mà hỏi đó đâu đã có internet để tra tìm? Trong khi thành phố nơi tôi ở ít dân, sách trong thư viện không nhiều, và điều quan trọng là khả năng ngoại ngữ của tôi lại quá khiêm tốn, nên gặp nhiều khốn đốn, mà bản tính ương ngạnh lại không cho phép tôi bỏ cuộc dờ chùng... Lúc đó tôi nghĩ tới biện pháp học chữ Hán để đọc sách Tàu, nhưng nhớ lại bài học lịch sử, mỗi khi qua đô hộ nước mình, bao giờ người Tàu cũng lo thu vét sách của nước Nam ta, vậy tài liệu chúng ghi đã chắc gì là sự thật?

Tôi xin mở ngoặc nói thêm chỗ này, nếu tôi chưa từng sống dưới chế độ cộng sản, chắc tôi không nghi ngờ chuyện cạo, xóa, bịa đặt lịch sử... Kinh nghiệm luôn có cái giá của nó, đắt rẻ thế nào tùy thuộc vào sự

thâu lượm của từng người. Ông trời sinh ra tôi có bộ não trên trung bình, thích tò mò tìm hiểu mà lại làm biếng học và đọc sách, nhưng được cái đã đọc rồi thì nhớ, đã học rồi là khắc ghi lời thầy giảng. Bởi thế nên tôi càng hoang mang với nghĩa bóng của câu trả lời trong bài ca theo lối hát phong tình là “Nước Tàu dệt gấm thêu hoa!” Ôi! Cái đất nước chỉ biết dệt điều, thêu dệt vẽ vờ, và có biệt tài làm đồ nhái, đồ giả... Tôi biết đi đâu để tìm ra sự thật? Tìm đâu ra tài liệu chưa có hiệu đính của người Tàu?

Ngẫu nhiên tôi nhớ tới bài giảng về ý nghĩa những câu về trong trò chơi “Ủ Ấp” của Giáo Sư Nguyễn Ngọc Bích trong giờ “Văn Minh Việt Nam” năm thứ 2 rằng:

*“Châu tri đành rành,  
Cái đành nổ lửa  
Con ngựa đút cương  
Tam Vương ngũ Đế  
Cấp kế đi tìm  
Ú tìm oà ập!”*

Nhờ có sử sách ghi chép song hành, phần thì sự việc mới xảy ra gần đây (cuối thế kỷ 19), nên chúng ta còn hiểu được rằng câu đồng dao trên thuộc loại “Việt sử khẩu truyền” mang ý nghĩa là: “Bá cáo cùng chúng dân: Người Pháp đã chính thức mở màn cho công cuộc xâm lăng nước ta bằng những cuộc bắn phá dữ tợn bằng súng thần công vào cửa bể Đà Nẵng trong những năm 1856 và 1858. Trong khi đó, triều đình Huế bắt lặc, phải nhường 3 tỉnh miền Đông Nam Việt cho Pháp năm 1862, đến năm 1874 thì nhường nốt 3 tỉnh miền Tây Nam Việt, rồi đến mất chủ quyền ở Bắc Việt (thành Hà Nội 2 lần thất thủ) năm 1883. Sau khi vua Tự Đức băng hà (ngày 16 tháng 06 năm Quý Mùi, 1883), với dã tâm thiết lập nên một chính phủ bù nhìn để dễ dàng thao túng, chỉ trong vòng 1 năm, người Pháp đã liên tục truất phế 3 vua, lập hoàng tử thứ 26, con vua Thiệu Trị là Ưng Lịch, lúc đó mới 13 tuổi lên ngôi (1884), hiệu là Hàm Nghi. Trái với lòng mong đợi của người Pháp, dù còn nhỏ tuổi, vua Hàm Nghi vẫn nêu cao ý chí đấu tranh bất khuất của cha ông, đưa đến cuộc chính biến ngày 23 tháng 05 năm Ất Dậu (1885), kinh thành Huế thất thủ, vua Hàm Nghi xuất bôn, xuống chiếu Cần Vương, kêu gọi toàn dân trường kỳ kháng chiến, quyết tâm đánh đuổi giặc Pháp, giành lại độc lập chủ quyền cho quê hương. Bằng nhiều thủ đoạn, từ võ lực cho tới dụ dỗ, mua chuộc..., người Pháp vẫn chưa làm gì được. Cho đến đêm 01-11-1888, tên đội trưởng Trương Quang Ngọc toa rập với tên đội hạ giá là Nguyễn Đình Tĩnh làm phản, bắt vua Hàm Nghi đem nộp cho Pháp để lãnh thưởng, phong trào Cần Vương tan vỡ”.

Với vốn văn 24 chữ mà tóm lược cả một giai đoạn lịch sử dài 32 năm, lại còn dựng thành một trò chơi cho trẻ nhỏ nô đùa để phổ biến.

Với thời gian phôi phai, nếu không được giải thích tường tận, làm sao hiểu được những sự kiện lịch sử được chuyên chở trong 6 câu đồng dao đó? Tại sao cha ông mình phải vận tâm khổ sở đến thế?

Tôi trộm nghĩ rằng: Đã bao lần nước ta mất vào tay kẻ khác, nhà tan cửa nát, thân làm nô lệ! Lần nào đô hộ nước ta, quân Tàu cũng đều tìm cách tịch thu sách, cưỡng hại học trò, mong hủy diệt những trang sử oai hùng của dân tộc Việt, để những đứa con Việt lớn lên bơ vơ không có hồn nước mà dựa, sống thất tha thất thểu như kẻ vô hồn, tha hồ cho chúng tiêu diệt và đồng hóa... Nhưng tổ tiên ta không bao giờ chịu khuất phục, bằng mọi cách cố nuôi dưỡng cái hồn nước, dụng tâm dựng nên những câu đồng dao, những câu chuyện thuộc loại hoang đường để chuyên chở ý nghĩa lịch sử hầu qua mặt quân Tàu mà duy trì ngọn lửa thiêng của dân tộc, không để cho nó bị tắt lụi, chờ cơ hội bùng lên, thu giang sơn về một mối!

Một chút ánh sáng lóe lên trong đường hầm tăm tối. Tôi tìm được sự đồng tình của Vũ Quỳnh, khi ông cho rằng những truyện chép trong Lĩnh Nam Trích Quái là “Sử ở trong truyện”. Xin trích bài tựa Lĩnh Nam Trích Quái liệt truyện của Vũ Quỳnh ra đây:

*"Quế Hải tuy ở cõi Lĩnh Nam, nhưng núi non kỳ lạ, đất đai linh thiêng, nhân dân anh hào, truyền tích thần kỳ, thường thường vẫn có.*

*Trước thời Xuân Thu, Chiến Quốc, cách thời thái cổ không xa, phong tục nước Nam còn giản dị, chưa có quốc sử để ghi chép cho nên nhiều truyện bị mất mát đi. May còn truyện nào không bị thất lạc thì riêng được dân gian truyền miệng. Về sau, qua các đời Lương Hán, Tam Quốc, Đông Tây Tấn đến Đường, Tống, Nguyên, Minh mới có sử ghi chép các truyện như Lĩnh Nam chí, Giao Châu quảng ký, Giao Chỉ lược chí v.v... rành rành có thể tham khảo được. Nhưng nước Việt ta tự cổ vẫn là đất hoang dã cho nên việc ghi chép còn sơ lược.*

*Nước ta vẫn minh bắt đầu nổi lên từ đời Hùng Vương, tràn trề trong các đời Triệu, Ngô, Đinh, Lê, Lý, Trần đến nay đã lan khắp nơi, cho nên việc ghi chép quốc sử được tường tận hơn. Những truyện chép ở đây là sử ở trong truyện chăng? Bắt đầu có từ thời nào? Tên họ người hoàn thành là gì đều không thấy ghi rõ. Viết ra đầu tiên là những bậc tài cao học rộng ở đời Lý, Trần. Còn những người nhuận sắc là các bậc quân tử bác nhã hiếu cổ ngày nay.*

*Kẻ ngu này xin nghiên cứu gốc ngọn, trần thuật lại mà suy xét cho sáng tỏ ý người viết truyện. Xem truyện họ Hồng Bàng thì hiểu rõ được lai do việc khai sáng ra nước Hoàng Việt. Truyện Dạ Thoa lược thuật về điểm manh nha của nước Chiêm Thành. Có truyện Bạch Trĩ chép sự tích họ Việt Thường. Có truyện Rùa Vàng chép sử vua An Dương Vương. Đồ sành lễ quý nhất nước Nam không gì bằng trầu cau cũng lấy đó mà biểu dương nghĩa vợ chồng, tình huynh đệ. Nước Nam Việt về*

mùa hạ không gì quý bằng quả dưa hấu cũng dùng nó mà kể chuyện tự cây vật báu của mình, quên cả ơn chúa. Truyện Bánh Chung khen lòng hiếu dưỡng, truyện Hà Ô Lôi răn thói dâm ô. Đổng Thiên Vương phá giặc Ân, Lý Ông Trọng diệt hung nô, đủ biết nước Nam ta có người tài giỏi. Chử Đồng Tử gả nghĩa cùng Tiên Dung, Thôi Vĩ tao phùng với tiên khách, cho nên, ơn đức có thể thấy vậy. Những truyện Đạo Hạnh, Không Lộ khen việc báo được thù cha, các vị thần tăng ấy há có thể mai một sao? Những truyện Ngư Tinh, Hồ Tinh nêu rõ sức trừ yêu quái mà ơn đức Long Quân không thể quên được vậy! Hai Bà Trưng trung nghĩa khi chết thành thần minh, treo cờ mà biểu dương, ai dám nói không được? Thần Tản Viên linh thiêng trừ loài thủy tộc, nêu lên cho hiển hách, ai lại bảo không phải? Than ôi! Nam Chiêu là con cháu Triệu Vũ Đế, nước mắt lại biết phục thù; Man Nương là mẹ Mộc Phật, năm hạn làm được mưa rào; Tô Lịch là thần đất Long Đỗ, Xương Cuồng là thân cây Chiên Đàn, một đảng thì lập đàn tế lễ, dân được hưởng phúc, một đảng thì dùng trò vui mà trị, dân được thoát họa, việc tuy kỳ dị mà không quái đản, vẫn tuy thần bí mà không nhảm nhí, tuy có phân hoang đường mà tông tích vẫn có phần bằng cứ, há chẳng phải chỉ cốt khuyên điều thiện, răn điều ác, bỏ giả theo thật để khuyến khích phong tục mà thôi ư? So với sách "Sưu thần tự" của đời Tấn và sách "U quái lục" của đời Đường thì cũng nhất trí vậy.

Than ôi! Lĩnh Nam liệt truyện há có phải chỉ riêng khắc vào đá viết vào tre mới là quý hơn ở bia miệng đâu? Từ dưa bé hơi sữa đến cụ già bạc tóc đều truyền tụng để tỏ lòng yêu dấu, để tỏ ý chê trách thì tất là có quan hệ đến cương thường, phong hóa, sẽ bỏ ích há lại nhỏ bé ư?

Tháng hai năm Nhâm Tý, niên hiệu Hồng Đức, kẻ ngu này mới bắt đầu chép được truyện cũ, ôm lấy mà đọc, không tránh khỏi chữ nợ xọ chữ kia. Thế là quên mình dốt nát, đem ra hiệu chính, xếp thành hai quyển, đặt tên là "Lĩnh Nam trích quái liệt truyện", cất ở trong nhà để tiện quan lãm. Còn như việc khảo chính, nhuận sắc, làm sáng truyện, gọt văn, chấp lời, rửa ý thì chừ vị quân tử hiếu cổ sau đây há không có ai hay sao? Cho nên viết bài tựa này.

Tiết Trung Hòa,  
mùa xuân năm Hồng Đức thứ 23.  
Vũ Quỳnh" (ngưng trích)

Chúng ta luôn tự hào về cái lịch sử vẻ vang với hơn 4000 năm văn hiến của dân tộc. Mà vẻ vang thật! Với cái sức mạnh đồng hóa ghê gớm đến thế của giặc Bắc phương, tất cả các nước lớn bé khác của Việt tộc đều bị tiêu diệt và đồng hóa, duy có giống dân nhỏ bé Lạc Việt là còn đứng vững và trường tồn được đến ngày nay, tức là cái hồn Lạc Việt phải

cứng bền như khối kim cương, cái ngọn lửa thiêng Lạc Việt phải âm ỉ cháy mãi không ngừng. Vậy thì những trang sử trong truyện đã từng hun đúc cái hồn nước ấy, đã từng nuôi dưỡng cái ngọn lửa thiêng ấy, phải có một ý nghĩa ngầm trọng đại nào đó, phải cao cả và khoa học lắm thì mới đủ sức xuyên thấu nổi cái sức mạnh đồng hóa đó mà trường tồn, chứ không thể tầm thường theo cái nghĩa đen hoang đường thiếu khoa học của cái truyện trăm trứng nở trăm con được. Tôi nghĩ, truyện Việt, cho dù có viết bằng chữ Hán đi nữa, thì chữ cũng chỉ là phân hình, tức là cái xác truyện; trong khi cái ý mới là phân khí, tức là cái hồn của truyện. Người Tàu dù có chiếm đoạt được tài liệu và sách vở của Việt Nam ta đi nữa, thì cũng không hiểu, chẳng khác nào chỉ chiếm được cái xác không, chứ hồn thì vẫn lưu luyến mà quán quít ở phương Nam, như truyện Lý Ông Trọng nói vậy.

Vững tin là một chuyện, làm cách nào giải mã để tìm hiểu ý nghĩa lịch sử được gói ghém trong những câu truyện ấy mới là vấn đề?

Tôi lại nhớ tới câu chuyện Trạng Lợn thế này (trích): *"... Khi triều đình mở khoa thi, sĩ tử khắp nơi lũ lượt lên chõng, kéo nhau về kinh dự thí, dĩ nhiên là trong đó có thầy khóa Chung. Trên đường đi dự thí, một hôm đi đến một đầu làng nọ, thấy tấm bia đề hai chữ "hạ mã" để nhắc nhở những người dùng ngựa phải xuống ngựa mà dắt bộ để tỏ lòng thành kính với vị thành hoàng trong làng. Hai chữ "hạ mã" khắc trên tấm bia đã có từ lâu, và mọi người đều chấp chỉ tuân hành theo cái "lệ làng" muôn thuở, chẳng dờ hơi mà bận tâm thắc mắc. Thế nhưng đối với khóa Chung lại khác, không dễ dàng chấp nhận sự việc một cách tiêu cực theo cái lối học từ chương, khóa ta dùng ngay Hán tự mà chiết giải. "Hạ mã" tức là phải xuống ngựa, không được ngồi trên yên ngựa, nghĩa là "bất yên", mà chữ "bất yên" này lại đồng thanh với chữ "bất an" có nghĩa là không yên ổn, thế là thầy khóa quyết định không vào làng, mà rủ các bạn đồng hành đánh vòng qua phía ngoài làng. Dù bảm bụng cười thầm anh bạn dốt đặc cán mai, nhưng họ cũng chịu ý mà làm một vòng du lịch quanh làng. Vừa đi được một quãng thì nghe tiếng hoan náo ầm ĩ, người trong làng kêu la cứu hỏa, một đám cháy xảy ra thiêu rụi gần nửa làng. Thế là các bạn đồng hành qua một phen hú vía, tụt hổ thẹn vì đã coi thường khóa Chung..."* (ngưng trích)

Phải chăng chuyện Trạng Lợn nhằm lưu ý sự khác biệt giữa thanh âm và ý nghĩa của truyện Việt trong chữ Hán, tức cái hồn Việt mà ẩn trong xác Tàu? Đây, tôi xin dẫn giải lời giải thích của Lê Quý Đôn: *"Trung quốc viết chữ, nghĩa lý ở chữ, không ở âm; nước ngoài chép âm, nghĩa lý ở âm, không ở chữ. Văn tự Trung Quốc từ chỗ trông thấy chữ mà sinh ra tưởng ngộ (nghĩ ra rồi hiểu), nếu tìm ở âm thì sai. Học thanh âm nước ngoài, thì từ chỗ nghe mà biết được nghĩa, nếu tìm ở chữ viết*

*thì bé tắc*" (Vân Đài Loại Ngữ, Lê Quý Đôn, Đại Nam tái bản ở hải ngoại, trang 279, mục 17).

Đi được tới đây tôi đã thấy vui trong da, nghĩ biết đâu nhờ mình dốt, không biết nghĩa lý ở "chữ" (Hán), mà loay hoay tìm hiểu ý nghĩa ở "âm", không chừng lại đúng nhịp? Cũng như câu chuyện Hiệp Khách Hành của Kim Dung: Thạch Phá Thiên giả (tên thật là Cầu Tạt Chủng), bởi không biết đọc, nên chỉ căn cứ theo nét viết mà quơ kiếm lần theo, rồi cuộc lại luyện thành bí kíp võ công, trong khi những cao thủ tiền bối khác đã ở lâu trong thạch động nghiên cứu ý nghĩa lời viết miết mấy chục năm mà không đạt được...

Ai cũng biết ở quê Khổng Tử có ấp Trâu Sơn trong nước Lỗ. Còn đạo của Khổng Tử là gì thì ông tuyên bố rõ đó là đạo cổ, ông không sáng lập ra đạo mà chỉ truyền lại đạo cổ của người xưa mà thôi (ngộ thuật nhi bất tác). Nếu hỏi đạo cổ ấy ở đâu thì ông hướng về phương Nam xá, như ông trả lời Tử Lộ hỏi về đức cường: "Khoan nhu dĩ giáo, bất báo vô đạo / Nam phương chi cường dã, quân tử cư chi". Làm tôi liên tưởng đến truyện Man Nương (xin dài dòng trích ra đây):

*"Thời Hiến Đế nhà Hán, quan Thái thú tên là Sĩ Nhiếp đắp thành ở phía Nam sông Bình Giang (nay là thành phía Nam sông Thiên Đức). Ở Phương Nam có một ngôi chùa gọi là chùa Phúc Nham, có một nhà sư từ phương Tây đến, hiệu là Già La Đồ Lê, trụ trì ở chùa ấy, hay làm phép đứng một chân; trai gái, già trẻ tín mộ, kính phụng tôn hiệu làm Tôn Sư, ai nấy đều cầu học đạo Phật.*

*Lúc bấy giờ có một người con gái tên là Man Nương, cha mẹ đều đã mất, nhà nghèo khổ nhưng cũng dốc lòng cầu đạo, chỉ vì nói ngọng, khó tụng kinh chung với mọi người nên thường ở sau bếp giã gạo nhặt rau, lo việc nấu thổi để cung dưỡng các sư trong chùa và học giả bốn phương đến học đạo.*

*Khoảng trời tháng năm, đêm lại ngán ngủ, Man Nương vội vã lo thổi nấu cho xong. Nàng nấu đã xong xuôi, nhưng các sư còn tụng kinh chưa nghỉ để ăn cháo; Man Nương ngồi chờ, ngủ gật ở ngạch cửa không ngờ quên lưng nằm ngủ say. Đến khi tảng đồ tụng niệm xong, ai về phòng nấy thì Man Nương còn nằm ở cửa; nhà sư Đồ Lê bước ngang trên mình nàng, Man Nương hồn nhiên tâm động, từ đó thụ thai. Trong khoảng được ba bốn tháng, Man Nương lấy làm xấu hổ bỏ đi, nhà sư Đồ Lê cũng tránh đi đến chùa ngã ba đầu sông mà ở.*

*Mãn nguyệt, Man Nương sinh được một đứa con gái và tìm nhà sư để giao lại. Đêm khuya, nhà sư Đồ Lê đến dưới cây đa ở ngã ba đầu sông mà đặt đứa con gái và nói:*

*– Ta gửi Phật tử này cho mày, mày giữ lấy, sau được thành Phật đạo.*

*Sư Đồ Lê và Man Nương từ biệt nhau mà đi. Đồ Lê cho nàng một chiếc gậy và bảo rằng:*

*– Ta cho em cái gậy này đem về, hễ gặp năm nào trời đại hạn thì lấy gậy vẩy vẩy dưới đất tự nhiên có nước chảy ra để cứu người ta.*

*Man Nương cầm gậy trở về, lại ở chùa như trước; gặp năm trời hạn, nàng lấy gậy vẩy trên đất, tự nhiên có nước suối chảy ra ào ào, dân chúng được nhờ và rất nhiều.*

*Khi Man Nương đã hơn tám mươi tuổi thì bất đồ cây đa bị lật đổ trôi đến trước bến chùa, quanh quẩn ở đó không trôi đi; người ở đó đua nhau bổ củi thì búa rìu đều bị gãy mẻ hết; làng xóm rủ nhau ba trăm người đến kéo cũng không chuyển động.*

*Gặp Man Nương xuống bến rửa tay, nàng khẽ lấy tay kéo thử, cây lập tức chuyển động trôi vào, ai nấy kinh dị, vội bảo Man Nương kéo thẳng lên bờ, khiến thợ mộc trở làm bốn pho tượng Phật; kịp lúc đến giữa cây, chỗ giấu người con gái thì chỗ ấy đã hóa thành một phiến đá rất cứng; người thợ đẽo đứng vào chỗ đó thì rìu búa mẻ hết, mới lấy phiến đá ném xuống giữa sông; phiến đá phóng xuất hào quang, giờ lâu mới chìm xuống nước; các người thợ đều chết hết. Mọi người đều xin nhờ Man Nương van vái muốn kẻ chài lặn xuống nước vớt lên, rước vào điện Phật, lấy vàng tô lên mà phụng thờ.*

*Sư Đồ Lê mới đặt tên cho bốn pho tượng Phật là: Pháp Văn, Pháp Vũ, Pháp Lô và Pháp Điện. Già trẻ trai gái bốn phương thường nhóm họp ở chùa này chơi đùa ca múa, gọi là hội tám Phật, đến nay đang còn vậy” (ngưng trích)*

Bản tính của Khổng Tử ưa trọng những điều lễ nghĩa, ngay từ thuở nhỏ khi chơi với trẻ cũng hay bày đồ cúng tế. Năm Ngài 19 tuổi thì thành gia thất, rồi ra nhận chức Ủy Lại, coi sự gặt thóc ở kho, sau lại làm Tư Chức Lại coi việc nuôi bò dê để dùng về việc cúng tế. Ngài rất chú ý về lễ nghi và những phép tắc của các đế vương đời trước, phàm ở đâu có việc gì quan hệ đến việc tế lễ là Ngài cũng đi xem xét rất tận tường, lý nào Ngài chẳng chú tâm quan sát tỷ mỉ những hình khắc nơi Trống Đồng, một cổ vật được dùng trong những khi tế lễ?

Nhà sư Già La Đồ Lê đến từ phương tây, ý chỉ sự đã thành đạt. Nhà sư lại “hay làm phép đứng một chân; trai gái, già trẻ tín mộ, kính phụng tôn hiệu làm Tôn sư”, ngầm chỉ kiểu đánh trống được chạm trên trống đồng, là để cái trống trên cọc cắm thông xuống đất, để trống được thông hội với đất với nước.

Thời Xuân Thu loạn lạc, đạo đế vương đời trước mờ tối, người đời say đắm đường công lợi, không ai thiết tưởng đến nhân đến nghĩa... Nhưng cũng vì thế cục biến loạn, dân tình điêu linh khốn khổ, kẻ sĩ mới lo tìm cách sửa đổi để cứu vớt thiên hạ, vậy nên nhiều học thuyết mới hưng thịnh lên.

Trong số những kẻ sĩ ấy có Không Tử, Ngài dốc lòng nghiên cứu và lĩnh hội được đạo lý cao thâm thâm chứa nơi Trống Đồng, rồi đem cái đạo cổ của thánh nhân ra mà truyền bá, lấy nhân lễ nghĩa trí mà dạy người, lấy cương thường mà hạn chế nhân dục để giữ trật tự trong xã hội được vững bền. Nhưng cũng chính vì đã lĩnh hội được đầy đủ ý nghĩa của Trống Đồng, thấu hiểu những hoài vọng và dụng tâm bao la của ông cha, cùng những mục đích và tôn chỉ của người xưa, mà Ngài không thể đường hoàng giải thích đạo cổ một cách tận tường rành rẽ, mà phải vận dụng tâm não để bóng bẩy truyền đạt ý của người xưa một cách kín đáo mà giữ gìn bí mật, tránh gây nguy hại cho cơ đồ của Tổ Tiên, nên mới nói rằng “vì nói ngọng, khó tụng kinh chung với mọi người...”

“Thức đêm mới thấy đêm dài!” Nhưng do lòng Ngài đang trĩu nặng ưu tư, tâm sự ngổn ngang canh cánh đáy lòng, chỉ sợ đêm chóng tàn, ngày sắp tới mà mình vẫn chưa làm được gì để chuẩn bị cho buổi sáng mai, nên thấy thời gian trôi qua vùn vụt. Ngài đã vội vã, cố bước những bước dài, mong sao cho đến được chót đoạn đường, Ngài nói: “Ngã phi sinh nhi tri chi giả dã, hiểu cổ, mẫn dĩ cầu chi giả dã: Ta không phải là người sinh ra đã biết, chỉ là người thích đạo của thánh hiền đời trước, cố sức mà cầu lấy được” (Thuật nhi, VII). Cũng vì cố sức cầu lấy được, nên phạm ở đâu có việc gì liên quan, là Ngài quyết đi xem xét cho tận tường. Ngài đến hỏi nhạc Trịnh Hoàng, hỏi lễ Lão Tử. Lão Tử đáp rằng: “Người quân tử gặp thời thì đi xe, không gặp thời thì đội nón lá và đi chân. Ta nghe: người buôn bán giỏi, khéo chứa của, coi như người không có gì; người quân tử có đức tốt, coi diện mạo như người ngu dại. Ông nên bỏ cái khí kiêu căng, cái lòng ham muốn, cùng cái sắc dục và dâm chí đi; những cái ấy đều vô ích cho ông”. Không Tử về báo các đệ tử rằng: “Chim thì ta biết nó bay được, cá thì ta biết nó lội được, giống thú thì ta biết nó chạy được. Chạy, bay, lội, ta có thể chăng lưới mà bắt được, đến như con rồng thì ta không biết nó cỡi gió, cưỡi mây bay lên trời lúc nào. Hôm nay ta thấy Lão Tử như con rồng vậy (Ngô long nhật kiến Lão Tử, kỳ do long dã)”. Rồng là con vật trong tưởng tượng không có thật, người ta chỉ nghe nói thôi chứ chưa hề trông thấy tận mắt hình thù của con rồng ra sao cả. Không Tử ví Lão Tử như con rồng, là ý chê trách Lão Tử chỉ có danh chứ không thật. Tình trạng xã hội lúc bấy giờ rất rối loạn, thế sự điên đảo quá nổi, lòng người ngao ngán, nên có người thì đề xướng cái chủ nghĩa yếm thế, bỏ việc đời phó mặc trời xanh, có người lại đi theo cái chủ nghĩa phá hoại, không thiết gì đến cương thường đạo lý nữa...

Lần sau cùng Ngài trở về nước Lỗ thì đã 68 tuổi, Ngài không cầu ra làm quan nữa mà ở nhà dạy học trò, để chuẩn bị cho các thế hệ sau, tiếp tục nối chí Ngài mà hoàn thành cái hoài bão cao cả của tiên nhân. Ngoài ra, Ngài còn san định lại các sách vở đời trước và làm sách Xuân



Thu. Bốn pho tượng Phật: Pháp Văn = Kinh Thi, Pháp Vũ = Kinh Lễ, Pháp Lô = Kinh Nhạc, Pháp Điện = Kinh Xuân Thu. Trong khi Kinh Dịch chính là phiến đá phóng xuất hào quang, quan trọng nhất nên phải nguy trang làm sách bói toán (*lấy vàng tô lên mà phụng thờ*), để được kẻ thù bảo giữ, và tồn tại cho đến ngày nay: “Nhà Tần cách đời cổ chưa xa, nên sách Chu Dịch nhờ về bói toán mà không bị đốt” (Kinh Dịch, Ngô Tất Tố, trang 57). Tần Thủy Hoàng ra lệnh đốt hết các sách về triết học, văn học, sử học..., chỉ cho giữ những sách dạy nghề, mà môn bói thời đó là một nghề được trọng.

Hệ từ nói “Dịch để thông trí thiên hạ, để định nghiệp thiên hạ, để đoán sự nghi ngờ của thiên hạ” (Kinh Dịch, Ngô Tất Tố, trang 56). Đó là lý do tôi đã chọn quyển tài liệu cổ xưa nhất là Kinh Dịch để tham khảo, bộ sách do Ngô Tất Tố biên soạn được coi là dịch sát nghĩa, ít diễn giải nhất, ông nói rõ, chỗ nào tôi nghĩa ông để y nguyên để đời sau tiếp tục nghiên cứu chứ ông không dám tự tiện. Dĩ nhiên, tôi tìm hiểu ý nghĩa ở “âm”, và chỉ căn cứ vào chú giải đầu tiên là Thập Dục (Mười Cảnh), cũng gọi là Thập Truyện của Khổng Tử là: Thoán truyện, Tụng truyện, Văn ngôn, Hệ từ nhị truyện, Thuyết quái truyện, Tụ quái và Tạp quái.

Tôi phân tích dựa trên tinh thần phá chấp, mạo hiểm “chấp nhận ra khơi trong điều kiện không có hải bản”. Tôi sẽ không câu nệ bất cứ nguyên tắc nào khi giải thích, nghĩa là tôi hòa mình vào với “vô chiêu thức”, sẽ phản ứng tự nhiên tùy vào từng hoàn cảnh, theo đúng tinh thần mà Hệ từ dạy: “Ngửa xem, cúi xét, nghiệm gần, nghiệm xa” (Kinh Dịch, Ngô Tất Tố, trang 26).

Lại nữa, Thuyết quái nói: “Dịch tức là cách tính ngược” (Kinh Dịch, Ngô Tất Tố, trang 27), trùng hợp với những hình ảnh sinh hoạt ngược chiều kim đồng hồ trên mặt Trống Đồng, khiến tôi tinh nghịch, đọc Dịch theo nguyên tắc ngược: (1) đọc Hào từ trên xuống dưới, (2) đọc Quẻ từ 64 xuống 1, tức là đọc ngược từ ngọn xuống gốc.

Bài này viết bởi dựa học trò có tính khôi hài và tinh nghịch, được đào tạo từ nền giáo dục Nhân Bản dưới thời Đệ Nhất và Đệ Nhị Cộng Hòa. Nếu không được coi là một khám phá mới mẻ, ít ra cũng là câu chuyện giàu tưởng tượng, tôi xin ghi ơn quý thầy cô đã dạy dỗ trong đời.

Chỉ vì một chút cơ duyên với sách đèn mà tôi đường đột làm một chuyện “động trời”, nên trong lòng rất sợ hãi. Vì sự hiểu biết non cạn, những điều tôi phân tích chỉ là thiên kiến cá nhân, có nhiều thiếu sót, kính mong quý bậc trưởng thượng rộng lòng chỉ bảo giúp cho. Xin trân trọng biết ơn.

**Phạm Khắc Trung**

*Cười tíu toét*  
*-1-*

Cả Cười sưu tập và phóng dịch



1. Khi bạn sống dai quá, sẽ có 3 điều xảy ra. Trước hết là bạn mất trí nhớ. Sau đó là ...cái khi gì đó... tui quên mất rồi!



## 2. Bí mật của hạnh phúc lứa đôi.

Như mọi buổi chiều vàng nắng tắt, cặp vợ chồng già ngồi trước hiên nhà nhấm nháp rượu chát. Cụ bà chép miệng:

- “Ngộ ái nị” vô cùng! Đời “ngộ” không thể nào thiếu “nị”!

Cụ ông cười hóm hỉnh:

- Cái đó là bà nói hay rượu chát nói?

Cụ bà thờ ra:

- Tui nói. Tui nói với ly rượu chát!



3. Tụi nó đâu còn ở trên đó nữa đâu, Walter!



4. - Trời đánh thánh vật nhà nó! Có cái quảng cáo thức ăn mà cứ chiếu tới chiếu lui mãi, chán thật!  
- Ông lại chúm mũi vào cái lò vi-ba, cụ ạ!



5. - Ông từng nói với tui là ông sẽ dành hết cả đời để làm cho tui cảm thấy hạnh phúc...

- Chắc! Hồi đó làm sao tui biết là tui sống dai dẳng vậy!



6. Ba qui luật cao niên:

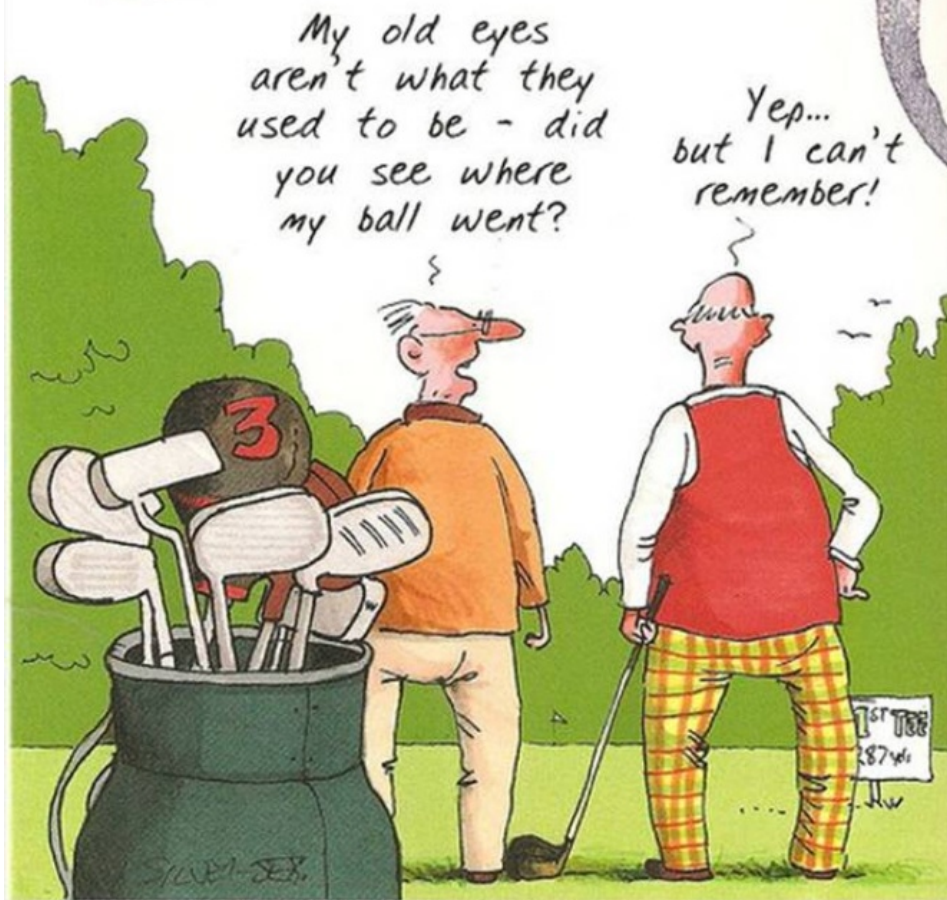
- Đừng bao giờ chần chờ khi nghe “tiếng gọi của thiên nhiên” (tiếng ngoài đời là “mắc tiêu”, “mắc tiêu”)
- Khi “thằng nhỏ” đột nhiên “cứng đầu”, phải biết lợi dụng ngay những giây phút hiếm hoi đó.
- Đừng bao giờ nghĩ rằng đánh rắm chỉ ra... hơi!



7. Khi các cụ đùa nghịch:

- Lần sau, khi định đi roller coaster, hãy bỏ túi mang theo vào con ốc.  
Khi cái coaster đang từ từ bò lên đỉnh cao vòi vọi, bạn hãy chồm tới băng trước, chìa mấy con ốc ra cho họ coi, và nói: “Tui mới nhật được, nó mới rớt ra từ cái băng ghế của các bạn.”





8. - Khổ quá! Mắt mũi của tôi bây giờ không còn tinh như trước. Ông có thấy trái banh của tôi bay về đâu không?

- Ô, thấy chứ! Thấy rõ lắm, nhưng tôi chả nhớ là nó bay đi đâu!



9. - Cái cụ nghĩ sao về cuộc nghiên cứu Y khoa giúp quý cụ có thể “vui vẻ” trên giường với nhau ít nhất vài lần mỗi tháng!

- Ô! Chỉ vậy thôi sao? (Tụi tui chả phải nghiên cứu nghiên kiết gì cả mà cứ “vượt chỉ tiêu” đều đều!)



10. Y tá:

- Bác sĩ cần lấy mẫu phân, mẫu nước tiểu và mẫu tinh trùng của cụ.

Cụ ông:

- Há? Há? Mụ ta nói gì vậy?

Cụ bà:

- Người ta muốn mượn cái quần lót ông đang mặc một chút xíu.

Geezer  
Planet

MINE  
USED TO BE AN  
EAGLE TOO



11. Cái hình xăm của tui, hỏi đó nó cũng từng là con ó y như của cô đấy!

## TIẾNG VỌNG TỪ ĐÁY VỰC:

# *Chúng ta chọn đứng bên nào của sự thật?*

Nguyệt Quỳnh

Sau một loạt các trấn áp của lãnh đạo CS nhắm vào các trang mạng xã hội, bằng cách liên tiếp bắt giam các blogger Ba Sàm, Bọ Lập, Nguyễn Ngọc Già ... báo lẻ dân vẫn tiếp tục mọc rễ và vươn cành. Các blogger khác vẫn ngoan cường, cứng cỏi, tuyên bố sẵn sàng đối mặt với tù tội.

Nhà văn Phạm Đình Trọng gọi thời đại này là Thời Ngục Tù. Ông viết: *"Năm tháng qua đi nhưng thời ngục tù đau đớn này sẽ còn mãi trong trang sách lịch sử"*. Thân phận làm than của đất nước, thân phận bèo bọt của người dân, thực tế nhứt nhối của xã hội đã không thể cam lặng mãi trong tâm hồn nhạy cảm của các nhà văn, dù họ biết họ có thể là nạn nhân kế tiếp. Viết, đối với nhà văn Phạm Đình Trọng và đối với các blogger vừa như là sự đòi hỏi của cái riêng, vừa là trách nhiệm với cái chung.

Để mong tô đậm thêm nữa tác động khủng bố lên các nhà văn, ngày 14/01/15 ông thứ trưởng Bộ Thông Tin Trương Minh Tuấn và Phó chủ nhiệm Văn Phòng Quốc Hội Nguyễn Sỹ Dũng cùng xuất hiện trên truyền hình VTV1. Họ cảnh báo rằng hàng trăm trang mạng có máy chủ ở nước ngoài đang sử dụng chiêu bài nguy hiểm nhằm xuyên tạc, bịa đặt, nói xấu Đảng, Nhà nước và các cấp lãnh đạo, gây chia rẽ, làm giảm sút niềm tin của dân đối với Đảng.

Nhưng những nhà hoạt động Việt Nam lại nhìn khác. Khi những con người chỉ với cây bút và bàn phím trong tay, bằng tất cả mọi nỗ lực trong cô đơn, kể cả chịu bị đánh đập đến đổ máu, chịu tù tội, đã buộc cả guồng máy tuyên truyền khổng lồ của nhà nước phải xôn xao đối phó, thì các blogger và sự thật đã chiến thắng. Khi Ban Tuyên Giáo Đảng phải công khai chỉ thị cho đội ngũ chuyển sang hướng "minh bạch để giành trận địa thông tin", thì rõ ràng **báo lẻ dân đã thắng hiệp 1**.

Đề cập đến mức ảnh hưởng của làng dân báo ông Trương Minh Tuấn vừa thú nhận vừa cố tình đánh hỏa mù:

*"Có thể gọi chung đây là tội phạm không gian ảo, vi phạm pháp luật VN. Loại tội phạm này có thể bị xếp vào những nguy cơ đe dọa an ninh lớn nhất cho đất nước. Như ở Anh tội phạm này bị xếp ngang hàng tội phạm tấn công khủng bố, thảm họa hạt nhân..."*

Ông Trương Minh Tuấn quen lối phát biểu xem thường dư luận, xem thường trí tuệ của người dân. Trong khi ba ngày trước đó, những thông tin trên khắp các trang mạng xã hội cho thấy Thủ tướng Anh, ông David Cameron đang cùng 40 vị lãnh đạo thế giới dẫn đầu đoàn tuấn hành ở Pháp để cổ vũ cho quyền tự do ngôn luận. Ông Tuấn tiêu biểu cho giàn lãnh đạo CSVN, vẫn muốn tiếp tục chính sách ngu dân bằng bung bít thông tin. Vẫn muốn cai trị dân bằng bạo lực nên phải lấy dối trá làm phương châm hàng đầu. Quả thật, đây chính là cuộc chiến cam go mà người dân VN phải đối mặt. Cuộc chiến giữa sự thật và dối trá, giữa lương tâm và hòng súng.

Nhà văn Pháp Emile Zola bảo rằng: *“Nếu anh bịt miệng sự thật và chôn nó xuống đất, nó sẽ phát triển, và tập hợp sức mạnh dữ dội của chính nó để một ngày khi nó mọc lên, nó sẽ thổi bay mọi thứ”*.

Sự thật bị chôn giấu hàng bao lâu nay đang chứng tỏ sức mạnh dữ dội của chính nó. Và làng dân báo, càng ngày càng lớn mạnh với hàng trăm những con người chịu vác thập tự để được đem sự thật đến với cuộc đời. Dù cô thế, dù thiếu phương tiện so với lực lượng báo đài của đảng, báo lề dân đang trở thành nỗi lo sợ lớn của lãnh đạo CS. Nỗi lo sợ đó bao gồm những sự thừa nhận sau đây:

- Đảng đã phải thừa nhận chính sách bung bít thông tin từ ngày lập đảng đến nay đã thất bại, dù với bao nhiêu công an mạng đi chăng nữa. Đặc biệt vì hiện có rất nhiều chuyên gia điện toán trên thế giới luôn nghĩ ra các cách vượt rào cản để tặng không cho nhân dân các nước đang bị độc tài cai trị.

- Đảng đã phải thừa nhận lực lượng 80 ngàn Dư Luận Viên hàng ngày đi chửi bới, cổ đánh lạc hướng dư luận cũng đã thất bại. Tệ hơn nữa, hàng ngũ này chỉ tạo thêm các tác động ngược. Người dân ngày càng khinh rẻ cả Dư Luận Viên và những kẻ thuê mướn họ.

- Đảng đã phải thừa nhận hiện tượng người dân đang lũ lượt bỏ mặc báo đài công cụ và kéo nhau đi nơi khác tìm thông tin. Từ các nguồn quốc tế đến các nguồn do chính dân chúng tự tìm hiểu, tự dịch thuật, tự tổng hợp, tự nhận định, tự thực hiện -- tức làng dân báo. Không những thế, người dân nay còn định ra công thức chung: cứ chuyện gì Ban Tuyên Giáo ra chỉ thị cho báo đài chối cãi càng căng thì chuyện đó càng chính xác theo chiều ngược lại. Đơn cử một thí dụ như trường hợp ông Nguyễn Bá Thanh thì rõ.

Nhưng có lẽ phải đọc các phát biểu của thứ trưởng Tuấn cùng với nhiều bài vở khác của Ban Tuyên Giáo gần đây cũng như các dặn dò của ông Nguyễn Tấn Dũng với công an mới thấy đủ chính sách "minh bạch" của đảng. Đó là phải làm chủ thông tin bằng cách không chặn tin nữa nhưng chủ động tung tin theo chiều của Đảng; hoặc chủ động minh bạch phần tin nào không hại cho đảng. Nếu thế thì cũng chẳng mới là

mấy. Ai cũng biết cách đó sẽ chỉ cứu vãn tình hình trong một thời gian ngắn thôi, vì hiện có nhiều nguồn khác cung cấp thông tin đầy đủ và chính xác, tức minh bạch 100%. Một khi người dân nhận ra đảng chỉ "minh bạch một phần" hay "minh bạch một chiều" thì số người kéo đi sang báo lẻ trái còn đông và nhanh hơn nữa. Có ai muốn phí thời giờ đưa óc mình cho đảng rót các thông tin nghiêng lệch, cắt xén vào không?! và như thế thì có khác gì mấy tình trạng hiện giờ?!

Dù chính sách tuyên truyền kiểu mới của đảng chỉ vừa bắt đầu, nhiều người dân Việt đã bày tỏ thái độ chán chường về cái "lòng thành nửa mùa" đi kèm đủ thứ hăm dọa trên báo đảng. Điều dân khao khát là sự thật, là quyền được biết về những chính sách của chính phủ, những sự việc có liên quan trực tiếp đến quyền lợi của đất nước và của chính họ, kể cả những dữ kiện thuộc loại tối kỵ như nội dung Hội nghị Thành Đô, các bản đồ biên giới Việt Trung, ... Ngày nào những đòi hỏi đó chưa được đáp ứng, ngày đó Đảng còn tiếp tục phải đối mặt với làng dân báo. Cái trận địa mà Đảng gọi là "chiến tranh thông tin truyền thông" đó chẳng ở đâu xa, chẳng phải từ lực lượng phản động nào cả. Họ là dân, nơi mà rất nhiều người đã từng hết lòng yêu Đảng và từng đặt hết niềm tin vào Đảng. Niềm tin đưa Đảng lên ngôi đó đã cạn, đã chết lịm khi người ta biết Đảng đã bịt mắt để xử dụng họ như lừa, ngựa suốt bao nhiêu năm qua.

Đền nước này Đảng chỉ còn có hai chọn lựa:

. hoặc là phải mở tung hãn cánh cửa truyền thông ra. Bỏ hãn cái trò "800 báo đài với một ban biên tập" đi.

. hoặc phải chấp nhận đứng nhìn cảnh: toàn dân chỉ dùng báo đài công cụ làm phương tiện giải trí hay giấy gói hàng; còn khi cần các tin tức đúng đắn, mọi người sẽ chỉ đọc các nguồn do báo lẻ dân cung cấp.

Nhìn những gì vừa xảy ra trên "mặt trận thông tin", ai còn dám bảo người dân "tay không" thì không thể tạo áp suất đổi thay. Khi phương pháp Đấu Tranh Bất Bạo Động được đủ số đông cùng áp dụng, thế lực độc tài sẽ bị dồn vào chỗ bí. Họ buộc phải thay đổi hay phải bỏ chạy. Nhiều dân tộc đã khám phá ra công thức này trước chúng ta.

Cuộc đọ sức hiện nay - dù muốn hay không - vẫn ảnh hưởng đến và bao gồm tất cả mọi người dân Việt. Một là ta góp mặt dững cam cho sự đổi thay. Hai là ta chấp nhận trở thành nạn nhân, dự phần cùng những bóng đen cam lạng trong sự tụt hậu của đất nước mình. Chúng ta chọn đứng bên nào của Sự Thật?

*Nguyệt Quỳnh*

Báo Làng Văn Online được lưu trữ trên:  
[www.langvanonline.com](http://www.langvanonline.com)  
cùng với các số báo in, bắt đầu từ năm 1984

Xin gửi bài về:  
[BanBienTap.LVOnline@gmail.com](mailto:BanBienTap.LVOnline@gmail.com)

Sách Việt tại hải ngoại  
ngày càng hiếm  
Độc giả muốn mua sách,  
xin mời xem tại  
**NHÀ SÁCH LÀNG VĂN ONLINE**  
Giá đặc biệt cho dành riêng  
Cho độc giả Làng Văn Online:  
[www.langvan.net](http://www.langvan.net)